

**HỒ SƠ MỜI THẦU  
XÂY LẬP QUA MẠNG  
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**



**Telecom**



# HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT: 28-2025

Tên gói thầu: 28-2025 FTEL PMBMN Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220KV Nha Trang - MPOP2 Nha Trang - Năm 2025

Dự án: Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220KV Nha Trang - MPOP2 Nha Trang - Năm 2025

Phát hành ngày: ..24../..07../2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 155-2025/QĐ-FTEL-FPD MN ngày ..24../..07../2025

*ky* Bên Mời thầu *ML*  
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT



HOÀNG THANH PHƯƠNG

## MỤC LỤC

### Mô tả tóm tắt

#### Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

#### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

#### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

#### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

#### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

#### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

#### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT. Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSĐT trên Hệ thống.

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này cung cấp các thông tin về thông số kỹ thuật, bản vẽ, thông tin bổ sung mô tả công trình được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói

thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

### **Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

### **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

## Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

### Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu</p>

thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu xây lắp do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMT; đánh giá E-HSMT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSMT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSMT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSMT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà

	<p>thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSĐT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSĐT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và tài liệu chứng minh sự phù hợp của vật tư, thiết bị</b></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p>

	<p>5.3. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị:</p> <p>a) Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) “Xuất xứ của vật tư, thiết bị” được hiểu là được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi vật tư, thiết bị được sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu;</p> <p>c) Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị phù hợp với đề xuất của nhà thầu.</p>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chi dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT, khảo</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho</p>

**sát hiện trường**

phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

7.5. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập E-HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

7.6. Chủ đầu tư, Bên mời thầu sẽ cho phép nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu tiếp cận hiện trường để phục vụ mục đích khảo sát hiện trường với điều kiện nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu cam kết rằng Chủ đầu tư, Bên mời thầu và các bên liên quan của Chủ đầu tư, Bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu liên quan đến việc khảo sát hiện trường này. Nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ các mất mát, thiệt hại và chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **E-BDL**.

7.7. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được ghi lại

	<p>thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.8. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.9. Việc nhà thầu không đi khảo sát hiện trường hoặc không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã khảo sát hiện trường hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<b>10. Thành phần của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV của E-HSMT. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</b>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại <b>E-BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. <i>Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính</i></p>

	<p>được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III của E-HSMT.</p>
<p><b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Đối với hợp đồng trọn gói, giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Nhà thầu chịu trách nhiệm rà soát Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) so với thiết kế để đề xuất bảng tổng hợp giá dự thầu cho phù hợp. Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) chỉ mang tính chất tham khảo.</p> <p>b) Nhà thầu có thể thêm hoặc bớt các hạng mục công việc trong Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) để phù hợp với thiết kế và chào giá cho các hạng mục công việc (sau khi đã thêm hoặc bớt hạng mục (nếu có)) tại Mẫu số 11A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 11E Chương IV). Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng; nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh:</p> <p>a) Giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chào đơn giá cho từng hạng mục công việc theo phạm vi công việc tại Mẫu số 01B, Mẫu số 01C Chương IV.</p> <p>b) Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng. Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo</p>

	<p><i>yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.</i></p> <p><i>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</i></p> <p><i>13.6. Nhà thầu phải nộp E-HSĐT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” theo Mẫu số 01 (01A hoặc 01B hoặc 01C hoặc 01D hoặc 01E) Chương IV.</i></p> <p><i>13.7. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</i></p> <p><i>13.8. Hợp đồng theo kết quả đầu ra có thể được áp dụng đối với công việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình đã xác định được yêu cầu cụ thể về chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra.</i></p>
<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p><i>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</i></p>
<p><b>15. Thành phần đề xuất kỹ thuật</b></p>	<p><i>Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật (đính kèm file lên Hệ thống) gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương V và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.</i></p>
<p><b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p><i>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</i></p> <p><i>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSĐT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</i></p>
<p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSĐT</b></p>	<p><i>17.1. E-HSĐT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</i></p> <p><i>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSĐT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSĐT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSĐT thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong</i></p>

	<p>trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p><i>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</i></p> <p><i>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</i></p> <p><i>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</i></p> <p><i>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</i></p> <p><i>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được</i></p>

quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời

	<p>thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà chủ đầu tư yêu cầu là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>19. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>E-TBMT</b>.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b></p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên</p>

	<p>đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không bảo đảm uy tín tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSDT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p><b>21. Mở thầu</b></p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư ;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>23. Làm rõ E-HSĐT</b>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSĐT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSĐT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p>

	<p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT.</p>
<p><b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSĐT</b></p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSĐT dựa trên nội dung của E-HSĐT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSĐT đáp ứng cơ bản là E-HSĐT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSĐT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của công trình được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSĐT theo Mục 15 E-CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSĐT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSĐT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSĐT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSĐT đó nhằm làm cho E-HSĐT đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSĐT;</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSĐT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSĐT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu</p>

	<p>này của bên mời thầu;</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p><b>27. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Trừ các phần công việc không được phép sử dụng nhà thầu phụ theo quy định tại <b>E-BDL</b>, nhà thầu được kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp.</p> <p>27.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>27.5. Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Trường hợp nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 09B Chương IV và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công</p>

	<p>việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế FEED; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p><b>28. Hiệu chỉnh sai lệch thừa</b></p>	<p>28.1. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (chỉ áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói):</p> <p>Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT và không tiến hành hiệu chỉnh trong trường hợp phạm vi công việc mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT khác so với yêu cầu nêu tại Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV), trừ trường hợp công việc được nhà thầu đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế); trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và giá trị của các hạng mục chào thừa sẽ bị trừ đi.</p> <p>28.2. Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc giảm giá được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá dự thầu sau khi đã hiệu chỉnh sai lệch thừa.</p> <p>28.3. Sau hiệu chỉnh sai lệch thừa theo quy định tại Mục 28.1 E-CDNT, bên mời thầu phải thông báo trên Hệ thống cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch thừa đối với E-HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có ý kiến phản hồi cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thừa theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả hiệu chỉnh sai lệch thừa theo thông báo của bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.</p>
<p><b>29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>29.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p>

	<p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>29.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 29.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p><b>30. Đánh giá E-HSDT</b></p>	<p>30.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>30.2. Quy trình đánh giá E-HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</li> <li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</li> </ul> </li> <li>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</li> <li>- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp</li> </ul>

đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT.

- Đối với yêu cầu về nguồn lực tài chính: tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá.

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính;

Mời các nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật vào thương thảo về giá dự thầu.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính và đàm phán giá, việc xếp hạng nhà thầu như sau: HSĐT có giá dự thầu thấp nhất sau thương thảo đàm phán giá dự thầu được xếp hạng thứ nhất. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSĐT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSĐT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

30.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai hợp đồng tương tự trên webform, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự, thiết bị thi công chủ yếu (bao gồm trường hợp nhân sự, thiết bị của nhà thầu đề xuất đã được huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.

	<p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, giá trị tài sản ròng từ năm 2021 trở đi, bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
<p><b>31. Đối chiếu tài liệu</b></p>	<p>31.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08A Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh nguồn lực tài chính theo quy định tại Mẫu số 08B, Mẫu số 08C Chương IV;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>g) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>

	<p>31.3. Bên mời thầu gửi thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng); địa điểm, thời gian thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p><b>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>32.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>33. Hủy thầu</b></p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p><b>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p><b>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b></p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p><b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p>

	<p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p><b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>
<p><b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	<p>Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: 28-2025 FTEL PMBMN Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220KV Nha Trang - MPOP2 Nha Trang - Năm 2025 Tên dự án/dự toán mua sắm: Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220KV Nha Trang - MPOP2 Nha Trang - Năm 2025</p>
E-CDNT 3	<p>Nguồn vốn: Nguồn vốn của công ty/ Nguồn vốn vay ngân hàng.</p>
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</li> <li>➢ Bên mời thầu: Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Địa chỉ: Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</li> </ul> </li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế hai bước), dự toán: Trung tâm Quản lý và Phát triển Đường trục.</li> <li>+ Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế hai bước), dự toán: Trung tâm Quản lý và Phát triển Đường trục - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có địa chỉ tại Tầng trệt Tòa nhà FPT, Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</li> <li>+ Tư vấn thẩm định giá: Ban Kế hoạch đầu tư/ Ban kiểm soát nội bộ, Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có địa chỉ tại Tầng trệt Tòa nhà FPT, Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</li> <li>+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn lập E-HSMT: Tổ chuyên gia, Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có địa chỉ tại Tầng trệt Tòa nhà FPT, Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</li> <li>+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: Tổ thẩm định, Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có địa chỉ tại Tầng trệt Tòa nhà FPT, Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh,</li> </ul> </li> </ul>

Việt Nam

+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Tổ chuyên gia, Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có địa chỉ tại Tầng trệt Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Tổ thẩm định, Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có địa chỉ tại Tầng trệt Tòa nhà FPT, Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng của Chủ đầu tư, Bên mời thầu hoặc do Chủ đầu tư, Bên mời thầu thuê: \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

+ Tư vấn khác tham gia trực tiếp trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.

- Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.

- Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật<sup>2</sup>: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất].

- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.

- Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

<sup>2</sup> Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất: "(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó; (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.". Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi.

	<p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
<b>E-CDNT 5.1 (e)</b>	- Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Không áp dụng.
<b>E-CDNT 7.6</b>	Tổ chức khảo sát hiện trường: Nhà thầu chịu trách nhiệm việc khảo sát hiện trường phục vụ công tác chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Chi phí phát sinh liên quan đến nội dung này do nhà thầu chi trả.
<b>E-CDNT 7.7</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
<b>E-CDNT 8</b>	Chi phí nộp E-HSDT: _____ [ <i>Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành</i> ].
<b>E-CDNT 10.8</b>	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>Bản scan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp;</p>
<b>E-CDNT 12.1</b>	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>E-CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: $\geq 120$ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 30.000.000 VNĐ.</p> <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 150 ngày</p>
<b>E-CDNT 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: không quá 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu

	được phê duyệt.
<b>E-CDNT 18.8</b>	Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng.
<b>E-CDNT 27.1</b>	Các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: Không có.
<b>E-CDNT 27.3</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 30% giá dự thầu của nhà thầu.
<b>E-CDNT 27.5</b>	Sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt: Không được phép.
<b>E-CDNT 30.1</b>	Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
<b>E-CDNT 30.2(đ)</b>	Xếp hạng nhà thầu: “nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có), giảm giá sau thương thảo (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;
<b>E-CDNT 32.4</b>	<i>[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 30.1 E-BDL như sau:</i> - “nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có), giảm giá sau thương thảo (nếu có) thấp nhất”;
<b>E-CDNT 32.5</b>	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: hợp đồng theo đơn giá cố định. - "giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu".
<b>E-CDNT 38.2</b>	- Người có thẩm quyền: Ban Giám đốc - Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT; Địa chỉ: Tầng trệt Tòa nhà FPT, Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị: Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT; Địa chỉ: Lô 37-39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Thông tin cần liên hệ: chị Binhdt3@fpt.com
<b>E-CDNT 39</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không.

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

#### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

<sup>2</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà chủ đầu tư, bên mời thầu có thể lựa chọn để đưa ra tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm cho phù hợp. Đối với gói thầu có tính chất đơn giản có thể không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực

## 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của \_\_\_\_ *[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam]* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

---

*hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT); nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.*

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 (5) năm tài chính gần nhất so với thời	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	(không bao gồm thuế VAT)	điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 3.506.000.000 <sup>(6)</sup> VND.				
3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p>Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng.</p> <p>- Trường hợp có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</p> <p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao (7), hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 757.000.000 (8)VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <p>- Giá trị tối thiểu: 757.000.000 (8)VND;</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực đến ngày 28 tháng 02 năm 2026.</p> <p>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”</p>	<b>Phải thỏa mãn yêu cầu này</b>	<b>Phải thỏa mãn yêu cầu này</b>	<b>Không áp dụng</b>	Mẫu số 08B, 08C
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự(9)	1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công	Mẫu số 05

		<p>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây:</p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (10) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (11) tối thiểu <b>02</b> công trình có: loại kết cấu: Hạ tầng kỹ thuật, cấp: IV [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu](12) trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V = 1.262.000.000</math> VNĐ (13) và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X = 2.524.000.000</math> VNĐ, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý (14) hoặc nhà thầu phụ trong đó <math>X = 2 \times V</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn (11) 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X</math> thì được coi là đáp ứng.</p>			việc nhận) đảm	
--	--	---	--	--	-------------------	--

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường

hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

*Ví dụ:*

- Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang

xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A3 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

*Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.*

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

### a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
1	Chỉ huy trưởng công trình	≥ 01 nhân sự	≥ 05 năm	+ Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành viễn thông hoặc tương đương + Có chứng nhận bồi dưỡng chỉ huy trưởng công trình BCVT hoặc xây dựng dân dụng + Có chứng chỉ ATLĐ còn hiệu lực: đến hết tháng 12/2025
2	Cán bộ kỹ thuật	≥ 02 nhân sự	≥ 02 năm	+ Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành Viễn thông hoặc tương đương + Có chứng chỉ ATLĐ còn hiệu lực đến hết tháng 12/2025

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn cáp quang (FUJIKURA 60S hoặc FITEL S178A trở lên hoặc các dòng máy tương đương)	≥ 01 máy
2	Máy đo cáp quang (JDSU MTS6000 hoặc EXFO FTB200-V2 trở lên hoặc các dòng máy tương đương. Module đo OTDR: ≥ 40dB)	≥ 01 máy
3	Máy cắt bê tông 12 CV (MCD 218)	≥ 01 máy
4	Máy trộn bê tông - dung tích : 250 lít	≥ 01 máy
5	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất : 1,5 kW	≥ 01 máy
6	Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng : 70 kg	≥ 01 máy

7	Máy khoan băng đường (Thiết bị khoan, lắp đặt đường ống ngầm qua đường sắt, đường bộ)	$\geq 01$ máy
8	Xe tải $\geq 1,5$ tấn (vận chuyển vật tư: cáp quang, ống, gông,...)	$\geq 01$ xe

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### 2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):

Chủ đầu tư, Bên mời thầu chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: Không áp dụng.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT.

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà

thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSDT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cụ thể như sau:

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu nhà thầu chứng minh/cản nộ
		Đạt	Không đạt	
<b>1</b>	<b>Biện pháp tổ chức thi công</b>			
1.1	- Tổ chức mặt bằng thi công: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông...trong quá trình thi công	Có mô tả chi tiết: + Trình tự thi công các hạng mục theo phương án tổ chức nhà thầu lập.	Không phù hợp với hồ sơ thiết kế và thực tế hiện trường. Thuyết minh sơ sai, không chi tiết các thành phần công việc.	Tài liệu diễn giải từng hạng mục tổ chức và phương án thi công
1.2	- Phương án thi công xây dựng cống bê, khoan ngầm băng đường, cắt đường và hoàn trả mặt bằng sau thi công	+ Biện pháp thi công chi tiết trên cơ sở nghiên cứu với hồ sơ thiết kế và thực tế hiện trường.		
1.3	- Phương án thi công kéo cáp quang ngầm trong hệ thống cống bê	+ Các giải pháp khắc phục sự cố, vướng mắc (nếu có)		
1.4	- Phương án thi công hàn nối cáp quang			
<b>2</b>	<b>Các biện pháp bảo đảm chất lượng công trình</b>			
2.1	- Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị đưa vào sử dụng cho công trình	Hợp lý, phù hợp với hồ sơ thiết kế và thực tế hiện trường	Không hợp lý, không phù hợp với hồ sơ thiết kế và thực tế hiện trường	Tài liệu diễn giải các biện pháp đảm bảo an toàn chất lượng công trình

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu nhà thầu chứng minh/cần nộp
		Đạt	Không đạt	
2.2	- Biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công xây dựng			
2.3	- Kế hoạch, phương thức kiểm soát và đảm bảo về: + An toàn lao động + Vệ sinh môi trường + Phòng chống cháy nổ			
<b>3</b>	<b>Nhân sự thi công</b>			
3.1	- Số đội thi công	≥ 02 đội	< 02 đội	
3.2	- Có công nhân thi công trực tiếp	≥ 8 nhân sự Mỗi công nhân có Chứng chỉ/Thẻ ATLĐ còn hiệu lực đến hết tháng 12/2025	< 8 nhân sự Không có hoặc có nhưng không đầy đủ chứng chỉ/thẻ ATLĐ hoặc có bất kỳ chứng chỉ/thẻ ATLĐ bị hết hiệu lực trước tháng 12/2025	1. Danh sách nhân sự thi công 2. Bản sao có công chứng Chứng chỉ ATLĐ/Thẻ ATLĐ
<b>4</b>	<b>Tiến độ thi công</b>			
4.1	- Bảng tiến độ thi công	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Bảng tiến độ thi công: Xin phép và Thi công xây lắp
4.2	Thời gian xin cấp phép các đơn vị quản lý hạ tầng cột điện, giao thông đường bộ, đường sắt.... kể từ ngày ký hợp đồng	≤ 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	> 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4.3	Thời gian thi công xây lắp tất cả các hạng mục công trình	≤ 67 ngày kể từ ngày khởi công	> 67 ngày kể từ ngày khởi công	
<b>5</b>	<b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>			
	Nhà thầu thể hiện bằng văn bản đáp ứng các nội dung như sau:	Có văn bản cam kết đáp ứng các nội dung như yêu cầu	Không có văn bản cam kết hoặc có cam kết nhưng nội dung không đầy đủ như yêu cầu	Văn bản cam kết đáp ứng các nội dung này
5.1	- Thời gian bảo hành công trình kể từ ngày nghiệm thu	≥ 12 tháng	< 12 tháng	

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu nhà thầu chứng minh/cần nộp
		Đạt	Không đạt	
	bản giao công trình đưa vào sử dụng			
5.2	- Hình thức bảo hành	bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh ngân hàng	bằng hình thức khác	
5.3	- Giá trị bảo hành	$\geq 5\%$ giá trị quyết toán	$< 5\%$ giá trị quyết toán	
6	<b>Uy tín, kinh nghiệm của nhà thầu thông qua việc đã thực hiện các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây trong vòng 3 năm gần nhất (2022, 2023, 2024).</b> <b>Lưu ý:</b> Hợp đồng tương tự là hợp đồng thi công cáp quang treo trên cột Điện lực/Cột VNPT/Cột Viettel; thi công ngầm hóa (đào đường đặt ống các loại) mà nhà thầu đã thực hiện toàn bộ khối lượng công việc, trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét			- Hồ sơ cung cấp gồm các tài liệu sau: 1. Hợp đồng (*); 2. Hồ sơ nghiệm thu hoàn công (có bản vẽ hoàn công) - Quyết toán; 3. Hóa đơn VAT; 4. Giấy phép hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về việc nhà thầu tự thực hiện xin phép (*). - Trường hợp nhà thầu chứng minh năng lực với tư cách là Nhà thầu Phụ thi ngoài 4 loại tài liệu nêu trên, nhà thầu cần cung cấp thêm các tài liệu sau: 5. Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà
6.1	Hợp đồng thi công kéo cáp quang ngầm, loại cáp $\geq 24FO$	- Có $\geq 01$ hợp đồng - Có đầy đủ tài liệu chứng minh kèm theo và có thể hiện thi công theo các điều kiện nêu trên.	Không có hợp đồng hoặc không có đầy đủ tài liệu chứng minh kèm theo và không thể hiện thi công cáp quang $\geq 24FO$	

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu nhà thầu chứng minh/cần nộp
		Đạt	Không đạt	
6.2	Số hợp đồng thể hiện thi công tuyển ngầm (cống bê mới hoặc cáp chôn trực tiếp) mà nhà thầu đã từng tự xin phép cấp: Chi cục Quản lý Đường Bộ/Sở GTVT các Tỉnh,... trong quá trình thực hiện	Có > 01 hợp đồng, có đầy đủ tài liệu chứng minh kèm theo và có thể hiện thi công tuyển ngầm (cống bê mới hoặc cáp chôn trực tiếp) mà nhà thầu đã từng tự xin phép thi công các cấp Chi cục Quản lý Đường Bộ/Sở GTVT các Tỉnh,... trong quá trình thực hiện	Có ≤ 1 hợp đồng hoặc không có đầy đủ tài liệu chứng minh kèm theo và không thể hiện thi công tuyển công bê mới hoặc cáp chôn trực tiếp, không thể hiện nhà thầu đã từng tự xin phép thi công các cấp Chi cục Quản lý Đường Bộ/Sở GTVT các Tỉnh,... trong quá trình thực hiện	<p>thầu chính, có thể hiện Danh sách Nhà thầu phụ (*);</p> <p>6. Hợp đồng giữa Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ</p> <p>7. Bản vẽ thiết kế của Chủ đầu tư;</p> <p>8. Trường hợp không có tài liệu 5,7 nêu trên thì có thể thay thế bằng văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về phạm vi nhà thầu phụ tham gia (*).</p> <p>- Đối với các văn bản xác nhận của Chủ đầu tư (tài liệu số 4 và số 8) (nếu có) phải do người đại diện theo pháp luật của Chủ đầu tư ký tên và đóng dấu; trường hợp có ủy quyền thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.</p> <p>- (*) Các tài liệu số 1, 4, 5, 6, 8 nhà thầu cần cung cấp bản sao có công chứng.</p> <p># Trường hợp Nhà thầu tham gia với tư cách là Nhà thầu Liên danh thì yêu cầu phải có ít nhất một thành viên đáp ứng yêu Tiêu chí 6.1</p> <p># Bên mời thầu có thể yêu cầu đối chiếu bản gốc các tài liệu trên nếu thấy cần thiết.</p>

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu nhà thầu chứng minh/cần nộp
		Đạt	Không đạt	
	<b>KẾT LUẬN</b>	Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, và 6 được đánh giá là "ĐẠT"	Nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì bị đánh giá là "KHÔNG ĐẠT"	

**Lưu ý:** Nhà thầu phải trình bày các giải pháp thi công một cách chi tiết, cụ thể từng nội dung công việc thi công và không trình bày chung chung. Các giải pháp trình bày phải có tính thực tế của công trình và khả thi. Các giải pháp trình bày chung chung thì hồ sơ bị loại

Nhà thầu được đánh giá là đạt về yêu cầu kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Mời các Nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật vào thương thảo đàm phán giá dự thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), và sau thương thảo đàm phán giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSĐT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

## Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)	<b>Webform</b>	X	
2	Mẫu số 01B. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)		X	
3	Mẫu số 01C. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	
4	Mẫu số 01D. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)		X	
5	Mẫu số 01E. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)		X	
6	Mẫu số 01F. Bảng tiến độ thực hiện		X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	<b>Webform</b>		X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i> )	<b>Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử</b>		X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i> )			X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	<b>Webform</b>		X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị thi công chủ yếu			X

16	Mẫu số 07. Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành trong quá khứ			X
17	Mẫu số 08A. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
18	Mẫu số 08B. Nguồn lực tài chính			X
19	Mẫu số 08C. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện			X
20	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
21	Mẫu số 09B. Bảng kê khai nhà thầu phụ đặc biệt			X
22	Mẫu số 09C. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
22	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
23	Mẫu số 11A. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng trọn gói)			X
24	Mẫu số 11B. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)			X
25	Mẫu số 11C. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
26	Mẫu số 11D. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)			X
27	Mẫu số 11E. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)			X
28	Mẫu số 12A. Bảng kê công nhật			X
29	Mẫu số 12B. Bảng kê các khoản tạm tính			X
30	Mẫu số 12C. Bảng kê số liệu điều chỉnh			X

**Mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)****BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC<sup>(1)</sup>**  
**(Áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói)**

<b>STT</b>	<b>Mô tả công việc<sup>(2)</sup></b>	<b>Khối lượng tham khảo<sup>(3)</sup></b>	<b>Đơn vị tính</b>

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11A Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**  
(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
	<b>I: Ra kéo cáp quang ngầm</b>			
1	Ra, kéo cáp quang được bảo vệ bằng ống PVC 2 mảnh D32mm, loại cáp <= 24 sợi	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	1,498	1 km cáp
2	Ra, kéo cáp quang trong cống bê có sẵn, loại cáp <= 24 sợi	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	3,602	1 km cáp
	<b>II: Hàn nối ODF &amp; MX, loại cáp quang &lt;=24FO</b>			
3	Hàn nối ODF cáp sợi quang, loại cáp quang <=24 FO	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	1	1 bộ ODF
4	Hàn nối măng sông cáp sợi quang, loại cáp quang <= 24 FO	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	2	bộ MX
	<b>III: Đào rãnh, cung cấp lắp đặt ống các loại &amp; tái lập</b>			
	<i>A. Đào rãnh loại lẻ đường bê tông, lắp đặt ống PVC 2 mảnh D32, tái lập (242m)</i>			
	<i>A1. Đào</i>			
5	Cắt mặt lề đường bê tông, chiều dày lớp cắt <= 7cm $(2*242)/100 = 4,84$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	4,84	100m
6	Rửa mặt đường bằng xe cơ giới $(242*2*1,5)/100 = 7,26$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	7,26	100m <sup>2</sup>
7	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan cầm tay $(0,35*0,1)*242 = 8,47$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	8,47	m <sup>3</sup>
8	Đào đất rãnh cáp, hố ga, rộng <= 3m, sâu <= 1m, cấp đất IV $(0,35+0,25)/2*0,732*242 = 53,1432$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	53,1432	m <sup>3</sup>
	<i>A2: Tái lập</i>			
9	Phân rải và đầm nén cát tuyến ống dẫn cáp thông tin. Đầm bằng thủ công $((0,323+0,250)/2*0,532)-0,0008)*242 = 36,6916$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	36,6916	1 m <sup>3</sup>
10	Lấp và đầm lèn rãnh cáp qua nền đường đá cấp phối $(0,35+0,323)/2*0,2*242 = 16,2866$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	16,2866	m <sup>3</sup>

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
11	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2, mác 200	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	8,47	m3
	$(0,35*0,1)*242 = 8,47$			
12	Bóc dỡ thủ công đất cấp IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	61,6132	m3
	$8,47+53,1432=61,6132$			
13	Vận chuyên thủ công đất cấp IV có cự ly vận chuyên <= 300m	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	61,6132	m3
	B. Đào rãnh loại lề đường đất, lấp đất ống PVC 2 mảnh D32, tái lập (1256m)			
	B1. Đào			
14	Đào đất rãnh cáp, hố ga, rộng <= 3m, sâu <= 1m, cấp đất IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	313,4976	m3
	$(0,35+0,25)/2*0,832*1256 = 313,4976$			
	B2: Tái lập			
15	Phân rải và đầm nén cát tuyến ống dẫn cáp thông tin. Đầm bằng thủ công	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	111,583	1 m3
	$((0,29+0,25)/2*0,332)-0,0008)*1256 = 111,583$			
16	Lấp đất và đầm rãnh cáp đào qua nền, lề đường	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	200,96	m3
	$(0,35+0,29)/2*0,5*1256 = 200,96$			
17	Bóc dỡ thủ công đất cấp IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	112,5376	m3
	$313,4976-200,96=112,5376$			
18	Vận chuyên thủ công đất cấp IV có cự ly vận chuyên <= 300m	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	112,5376	m3
	C. Đào rãnh loại lề đường bê tông, lấp đất ống PVC D56, tái lập (2268m)			
	C1. Đào			
19	Cắt mặt lề đường bê tông, chiều dày lớp cắt <= 7cm	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	45,36	100m
	$(2*2268)/100 = 45,36$			
20	Rửa mặt đường bằng xe cơ giới	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	68,04	100m2
	$(2268*2*1,5)/100 = 68,04$			
21	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan cầm tay	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	79,38	m3
	$(0,35*0,1)*2268 = 79,38$			
22	Đào đất rãnh cáp, hố ga, rộng <= 3m, sâu <= 1m, cấp đất IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	514,3824	m3
	$(0,35+0,25)/2*0,756*2268 = 514,3824$			
	C2: Cung cấp và lấp đất ống nhựa PVC D56			

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
23	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56 dày 3mm nong một đầu.	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	22,68	100 m/1 ống
	$2268/100 = 22,68$			
24	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56 dày 3mm từ bể cấp tới cột treo cấp (cố định bằng đai inox vào cột)	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	3	m
	<i>C3: Tái lập</i>			
25	Phân rải và đầm nén cát tuyến ống dẫn cấp thông tin. Đầm bằng thủ công	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	356,2393	1 m3
	$((0,324+0,250)/2*0,556)-0,0025)*2268 = 356,2393$			
26	Lấp và đầm lèn rãnh cấp qua nền đường đá cấp phối	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	152,8632	m3
	$((0,35+0,324)/2*0,2)*2268 = 152,8632$			
27	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mương cấp, rãnh nước, đá 1x2, mác 200	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	79,38	m3
	$(0,35*0,1)*2268 = 79,38$			
28	Bốc dỡ thủ công đất cấp IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	593,7624	m3
	$79,38+514,3824=593,7624$			
29	Vận chuyển thủ công đất cấp IV có cự ly vận chuyển <= 300m	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	593,7624	m3
	<i>D. Đào rãnh qua lòng đường bê tông, lắp đặt ống PVC D56, tái lập (181m)</i>			
	<i>D1. Đào</i>			
30	Cắt mặt đường bê tông bằng máy, chiều dày <=20cm	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	362	1m
	$(2*181) = 362$			
31	Rửa mặt đường bằng xe cơ giới	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	5,43	100m2
	$(181*2*1,5)/100 = 5,43$			
32	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan cầm tay	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	12,67	m3
	$(0,35*0,2)*181 = 12,67$			
33	Đào đất rãnh cấp, hố ga, rộng <= 3m, sâu <=1m, cấp đất IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	35,6208	m3
	$(0,35+0,25)/2*0,656*181 = 35,6208$			
	<i>D2: Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56</i>			
34	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56 dày 3mm nong một đầu.	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	1,81	100 m/1 ống
	$181/100 = 1,81$			
	<i>D3: Tái lập</i>			
35	Phân rải và đầm nén cát tuyến ống dẫn cấp thông tin. Đầm bằng thủ công	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	25,9701	1 m3

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
	$((0,327+0,250)/2*0,506)-0,0025)*181 = 25,9701$			
36	Lắp và đầm lên rãnh cáp qua nền đường đá cấp phối	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	9,1903	m3
	$(0,35+0,327)/2*0,15*181 = 9,1903$			
37	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2, mác 250	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	12,67	m3
	$(0,35*0,2)*181 = 12,67$			
38	Bốc dỡ thủ công đất cấp IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	48,2908	m3
	$12,67+35,6208=48,2908$			
39	Vận chuyển thủ công đất cấp IV có cự ly vận chuyển <= 300m	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	48,2908	m3
	<i>E. Đào rãnh loại lê đường đất, lấp đặt ống PVC D56, tái lập (372m)</i>			
	<i>E1. Đào</i>			
40	Đào đất rãnh cáp, hố ga, rộng <= 3m, sâu <= 1m, cấp đất III	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	95,5296	m3
	$(0,35+0,25)/2*0,856*372 = 95,5296$			
	<i>E2: Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56</i>			
41	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56 dày 3mm nong một đầu.	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	3,72	100 m/1 ống
	$372/100 = 3,72$			
	<i>E3: Tái lập</i>			
42	Phân rải và đầm nén cát tuyến ống dẫn cáp thông tin. Đầm bằng thủ công	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	34,9591	1 m3
	$((0,292+0,25)/2*0,356)-0,0025)*372 = 34,9591$			
43	Lắp đất và đầm rãnh cáp đào qua nền, lê đường	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	59,706	m3
	$(0,35+0,292)/2*0,5*372 = 59,706$			
44	Bốc dỡ thủ công đất cấp III	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	35,8236	m3
	$95,5296-59,706=35,8236$			
45	Vận chuyển thủ công đất cấp III có cự ly vận chuyển <= 300m	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	35,8236	m3
	<i>F. Đào rãnh loại vỉa hè gạch, lấp đặt ống PVC D56, tái lập (87m)</i>			
	<i>F1. Đào</i>			
46	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch các loại	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	30,45	m2
	$(0,35*87) = 30,45$			
47	Đào đất rãnh cáp, hố ga, rộng <= 3m, sâu <= 1m, cấp đất IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	21,5586	m3
	$(0,35+0,25)/2*0,826*87 = 21,5586$			

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
	<i>F2: Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56</i>			
48	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56 dày 3mm nong một đầu.	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	0,87	100 m/1 ống
	$(87/100) = 0,87$			
	<i>F3: Tái lập</i>			
49	Phân rải và đầm nén cát tuyến ống dẫn cáp thông tin. Đầm bằng thủ công	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	13,5443	1 m3
	$((0,319+0,250)/2*0,556)-0,0025)*87 = 13,5443$			
50	Lấp và đầm lên rãnh cáp qua nền đường đá cấp phối	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	4,2869	m3
	$(0,338+0,319)/2*0,15*87 = 4,2869$			
51	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2, mác 150	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	2,9928	m3
	$(0,350+0,338)/2*0,1*87 = 2,9928$			
52	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM mác 75	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	26,25	m2
	$(0,35*75) = 26,25$			
53	Lát nền, sàn bằng đá Granite, tiết diện đá $\leq 0,25$ m2, vữa XM mác 75	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	4,2	m2
	$(0,35*12) = 4,2$			
54	Bóc dỡ thủ công đất cấp IV	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	22,4721	m3
	$(0,35*0,03*87)+21,5586 = 22,4721$			
55	Vận chuyển thủ công đất cấp IV có cự ly vận chuyển $\leq 300$ m	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	22,4721	m3
	<i>IV: Cung cấp và lắp đặt ống các loại qua cầu, cống</i>			
56	Cung cấp và lắp đặt ống thép mạ kẽm D59.9mm (bao gồm bộ nối ống) dẫn cáp treo vào lan can cầu (dùng đai inox cố định.)	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	94	m
57	Cung cấp và lắp đặt ống thép mạ kẽm D59.9mm (bao gồm bộ nối ống) dẫn cáp treo vào cống hộp (dùng cùm Omega sắt mạ kẽm cố định).	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	11	m
58	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D56 dày 3mm vào lan can cầu (dùng đai inox cố định).	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	189	m
	<i>V: Đổ hầm BTCT IX.1N (Hầm nắp 600x900: 30 hầm)</i>			
59	Cắt mặt lề đường bê tông, chiều dày lớp cát $\leq 7$ cm	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	1,3044	100m
	$(0,936+1,238)*2*30/100 = 1,3044$			

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
60	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan cầm tay $(0,936*1,238*0,1)*30 = 3,4763$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	3,4763	m <sup>3</sup>
61	Đào đất rãnh cáp, hố ga, rộng ≤ 3m, sâu ≤ 1m, cấp đất IV $(0,936*1,238*0,6)*30 = 20,8578$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	20,8578	m <sup>3</sup>
62	Đổ bê tông bề có cốt thép. Loại 1 nắp.(936x1238x700)	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	30	bề cấp
63	Sản xuất nắp đan bề bê tông, dưới đường	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	30	nắp đan
64	Gia công khung miệng bề cấp. Loại bề S=600x900mm	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	30	bề cấp
65	Bóc dỡ thủ công đất cấp IV $3,4763+20,8578=24,3341$	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	24,3341	m <sup>3</sup>
66	Vận chuyển thủ công đất cấp IV có cự ly vận chuyển ≤ 300m <i>V: Khoan lỗ hầm BTCT hiện hữu (để kết nối ống PVC D56 vào hầm hiện hữu)- 02 hầm</i>	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	24,3341	m <sup>3</sup>
67	Khoan xuyên qua bê tông cốt thép, lỗ khoan đường kính D>70mm, chiều sâu khoan ≤ 30cm <i>VI: Cung cấp và lắp đặt các vật tư khác</i>	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	2	1 lỗ khoan
68	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC 2 mảnh D32 dày 4mm (kèm dây rút nhựa)	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	1.498	Mét
69	Cung cấp và lắp đặt ống cong nhựa PVC R900 D56 dày 3mm	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	1	Cái
70	Cung cấp và lắp đặt dây đai Inox A200x1200x0.65 (có khoá)	Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	142	Sợi

Nhà thầu lưu ý chào giá bao gồm thuế VAT theo quy định về thuế hiện hành.

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%)

nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Giá Hợp Đồng và đơn giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp Đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên B và các chi phí vật tư, nhân công, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công việc, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí bảo hiểm, tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật và các chi phí hợp lý khác như chi phí xin phép, chi phí để Bên A đưa Công trình đi vào sử dụng,... để Bên B hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A, cũng như để sửa chữa, khắc phục các sai sót, hư hỏng và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp đồng này.

Thuế giá trị gia tăng có thể điều chỉnh theo chính sách của Nhà nước tại thời điểm Nghiệm thu Bàn giao và xuất hóa đơn.

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**  
**(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>			
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
...	...			
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng(*)</b>			
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá:		b2%	

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**  
(Đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
...	...			

**Ghi chú:**

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể, khối lượng, đơn vị tính để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC****(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói<sup>(1)</sup>**

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup>	Đơn vị tính

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11E Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

**II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định**

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>			
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
...	...			
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng<sup>(*)</sup></b>			
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:		b1%	

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

### III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>			
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
...	...			
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng(*)</b>			
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (*):		b2%	

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

### IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chi dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
...	...			

**Ghi chú:**

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể, khối lượng, đơn vị tính để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chi dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chi dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chi dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu

## BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình	
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220KV Nha Trang - MPOP2 Nha Trang - Năm 2025	Tỉnh Khánh Hòa; Tuyến từ TBA220kV Nha Trang – MPOP2 Nha Trang		112 ngày

Ghi chú:

- (2) Trích xuất tên gói thầu.
- (3) Ghi địa điểm nơi triển khai gói thầu.
- (4) Chủ đầu tư điền nhưng bảo đảm thời gian tại cột này nhỏ hơn thời gian tại cột (5).
- (5) Trích xuất thời gian thực hiện gói thầu.

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>: \_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(3)</sup>: \_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.<sup>(4)</sup>

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Đáp ứng quy định về cấp doanh nghiệp theo yêu cầu của E-HSMT đối với trường hợp gói

thầu xây lắp có giá không quá 05 tỷ đồng.

9. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

10. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

11. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

12. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(5)</sup>.

13. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư<sup>(6)</sup>.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

(3) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(4) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(6) Trường hợp pháp luật có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**Ngày: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ<sup>(1)</sup> [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....

<b>Tổng cộng</b>	<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>
------------------	---	-------------

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[*xác nhận, chữ ký số*]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[*xác nhận, chữ ký số*]

#### **Ghi chú:**

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưởng** (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL*]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng** (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup>* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại

điểm b khoản 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSĐT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(2)</sup></b>			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Các nội dung công việc chính của hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

## BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn kê khai tại Mẫu số 6C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

<b>Chủ sở hữu</b>						<b>Thỏa thuận</b>
<b>Loại thiết bị</b>	<b>Tên chủ sở hữu</b>	<b>Địa chỉ chủ sở hữu</b>	<b>Số điện thoại</b>	<b>Số Fax</b>	<b>Telex</b>	<b>Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án</b>

**HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG  
HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

**Các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III**

- Không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

**Ghi chú:**

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU <sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 08C Chương này.

<b>Nguồn lực tài chính của nhà thầu</b>		
<b>STT</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1		
2		
3		
4		
5		
...		
<b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b>		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 08C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong E-HSĐT của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 08C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG  
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup>	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
<b>A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)</b>						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ <sup>(1)</sup>**

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 30.3 E-BDL. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 30.3 E-BDL.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT <sup>(1)</sup>**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương III.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.
- (3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do Nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Trích xuất từ Mẫu số 01F Chương này.

(6): Nhà thầu đề xuất.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**  
**(Đối với hợp đồng trọn gói)**

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục 1		
2	Hạng mục 2		
..			
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>			X1

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

## Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh <sup>(*)</sup>		b1%			<b><math>B1 = b1\% \times A</math></b>
2	Chi phí công nhật					<b>Y1</b>
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					<b>Y2</b>
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>						<b><math>X2=A+B1+Y1+Y2</math></b>

Ghi chú:

(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(7) Hệ thống tự động tính.

(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

## Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng (*)</b>					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá		b2%			<b>B2 = b2% x A</b>
2	Chi phí công nhật					<b>Y1</b>
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					<b>Y2</b>
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>						<b>X3=A+B2+Y1+Y2</b>

Ghi chú:

(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.

(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*) được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
<b>1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1.1	...					
1.2	...					
<b>2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
2.1	...					
2.2	...					
..	...					...
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>						<b>X4=A1+A2+...</b>

**Ghi chú:**

(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(7) Hệ thống tự động tính.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói<sup>(1)</sup>**

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục 1		
2	Hạng mục 2		
..			
<b>Tổng cộng:[Hệ thống tự tính]</b>			X1

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục ở bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

## II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh<sup>(*)</sup></b>			b1%		<b>B1 = b1% x A</b>
<b>Tổng cộng:[Hệ thống tự tính]</b>						<b>X2=A+B1</b>

Ghi chú:

(6) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*) Được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(7) Hệ thống tự động tính.

## III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>

1	...					
2	...					
I.2	<i>Hạng mục 2</i>					A2
1	...					
2	...					
..	...					...
II	<b>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá*</b>		b2%			$B2 = b2\% \times A$
<b>Tổng cộng:[Hệ thống tự tính]</b>						$X3=A+B2$

Ghi chú:

(6) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.

(\*) Được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

#### IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I.1	<i>Hạng mục 1</i>					A1
1	...					
...	...					
I.2	<i>Hạng mục 2</i>					A2
1	...					
..	...					...
<b>Tổng cộng:[Hệ thống tự tính]</b>						$X4=A1+A2+...$

Ghi chú:

(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.

(7) Hệ thống tự động tính.

**V. Tổng hợp giá dự thầu**

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra	X4
IV	Chi phí công nhật	Y1
V	Chi phí cho các khoản tạm tính	Y2
	<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>	$X=X1+X2+X3+X4+Y1+Y2$

**BẢNG KÊ CÔNG NHẬT****1. Quy định chung**

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào E-HSMT thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSMT để so sánh các E-HSMT.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSMT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

**2. Nhân công tính theo Công nhật**

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác. Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**. Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;
- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;
- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;
- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;

- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

### 3. Vật liệu tính theo Công nhật

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

a) Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tổn thất...;

b) Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

### 4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật

a) Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 3. Thiết bị của nhà thầu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao thiết bị;
- Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhờn và vật tư tiêu hao khác;
- Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.
- Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.

b) Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

### Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công

Công việc số	Mô tả <sup>(1)</sup>	Đơn vị <sup>(2)</sup>	Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup>	Đơn giá <sup>(4)</sup>	Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND)
1	Trưởng nhóm	giờ	50		
2	Công nhân phổ thông	giờ	500		
3	Thợ nề	giờ	200		
4	Thợ hồ	giờ	200		

5	Thợ mộc	giờ	100		
6	Thợ sắt	giờ	100		
7	Lái xe đến 10 tấn	giờ	100		
...	....				
	<b>Tổng giá cho Công nhật: Nhân công</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(A1)

## Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật: 2. Vật liệu**

<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Đơn vị<sup>(2)</sup></b>	<b>Số lượng danh nghĩa<sup>(3)</sup></b>	<b>Đơn giá<sup>(4)</sup></b>	<b>Thành tiền<sup>(5)</sup> (VND)</b>
1	<i>Xi măng Portland</i>	<i>tấn</i>	0,5		
2	<i>Thanh gia cố thép dẻo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương</i>	<i>kg</i>	100		
3	<i>Đường ống gang dẻo (800mm Ø)</i>	<i>m</i>	12		
...	.....				
	<b>Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(A2)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật 3. Thiết bị của Nhà thầu**

<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Đơn vị<sup>(2)</sup></b>	<b>Số lượng danh nghĩa<sup>(3)</sup></b>	<b>Đơn giá<sup>(4)</sup></b>	<b>Thành tiền<sup>(5)</sup> (VND)</b>
1	Máy cầu bánh xích, 10 -15 tấn	giờ	10		
2	Ô tô cần trục, 25-50 tấn	giờ	15		
3	Máy đào thủy lực, 170Hp	giờ	10		
4	Máy san ủi, 3m, 100Hp	giờ	20		
5	Xe téc chở nước, 5000 lít	giờ	30		
6	Máy nén khí, 6000 lít/phút	giờ	40		
...	....				
<b>Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)					(A3)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Công nhật tổng hợp**

	<b>Thành tiền (VND)</b>
1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công	(A1)
2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu	(A2)
3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu.	(A3)
<b>Tổng giá cho Công nhật</b> (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí công nhật trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)	<b>Y1</b>

**BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH**

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

Bảng số	Công việc số	Mô tả <sup>(1)</sup>	Thành tiền (VND) <sup>(2)</sup>
04	15	Cung cấp và lắp đặt thiết bị tại trạm bơm	
06	19	Cung cấp hệ thống thông khí trong đường ống ngầm	
...			
....			
<b>Tổng các khoản tạm tính</b> (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)			<b>Y2</b>

Ghi chú:

(1) Do Chủ đầu tư điền nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong E-HSDT theo đúng nội dung công việc nêu trong E-HSMT.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**BẢNG KÊ SỔ LIỆU ĐIỀU CHỈNH**  
(áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh)

Mã Chỉ số	Mô tả Chỉ số	Nguồn Chỉ số	Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở	Số tiền	Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất
	Không điều chỉnh	—	—	—	a: 0.10 ~ 0.20
	Điều chỉnh	—	—	—	b: c: d: e:
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.00</b>

Do Chủ đầu tư ghi

Do Nhà thầu ghi

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### I. Giới thiệu về gói thầu

##### 1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Tên gói thầu: 28-2025 FTEL PMBMN Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220kV Nha Trang – MPOP2 Nha Trang.

Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220kV Nha Trang – MPOP2 Nha Trang theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt với các nội dung sau:

- Làm việc với các đơn vị quản lý hạ tầng/người dân có liên quan để xin phép thi công trình, bao gồm:

+ Xin phép thi công xây dựng các đoạn tuyến cống bê ngầm mới trong hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ, đường sắt.

+ Xin phép thi công kéo cáp quang trong hệ thống cống bê có sẵn.

Và xin phép các đơn vị khác có liên quan (nếu có).

- Thi công xây dựng các đoạn tuyến cống bê ngầm.

- Thi công khoan ngầm/cắt đường qua đường bộ.

- Thi công lắp đặt ống và kéo cáp quang trong hệ thống cống bê.

- Tái lập mặt bằng theo qui định.

- Hàn nối măng xông, ODF và đo kiểm chất lượng tuyến cáp sau thi công.

##### 2. Khối lượng thi công chủ yếu theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
<b>A</b>	<b>Hạng mục cáp quang</b>		
1	Ra, kéo cáp quang được bảo vệ bằng ống PVC 2 mảnh đường kính 32, loại cáp <= 24 sợi	Mét	1.498
2	Ra, kéo cáp quang trong cống bê có sẵn, loại cáp <= 24 sợi	Mét	3.602
3	Hàn nối ODF cáp sợi quang, loại cáp quang <=24 FO	Bộ	1
4	Hàn nối măng xông cáp sợi quang, loại cáp quang <= 24 FO	Bộ	2
<b>B</b>	<b>Hạng mục ngầm hóa</b>		
1	Đào rãnh loại lề đường bê tông, lắp đặt ống PVC 2 mảnh D32, tái lập	Mét	242
2	Đào rãnh loại lề đường đất, lắp đặt ống PVC 2 mảnh D32, tái lập	Mét	1.256
3	Đào rãnh loại lề đường bê tông, lắp đặt ống PVC D56, tái lập	Mét	2.268
4	Lắp đặt ống nhựa PVC D56 từ bể cáp ngoi lên cột	Mét	3
5	Đào rãnh qua đường bê tông, lắp đặt ống PVC D56, tái lập	Mét	181
6	Đào rãnh loại lề đường đất, lắp đặt ống PVC D56, tái lập	Mét	372
7	Đào rãnh loại lề đường lát gạch - đá, lắp đặt ống PVC D56, tái lập	Mét	87

Stt	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
8	Lắp ống thép mạ kẽm dẫn cáp D59.9 treo vào lan can thành cầu (dùng đai inox cố định), đường kính ống $\leq 60$ mm	Mét	94
9	Lắp ống thép mạ kẽm dẫn cáp D59.9 vào cống hộp, đường kính ống $\leq 60$ mm	Mét	11
10	Lắp ống dẫn cáp PVC D56 treo vào lan can, đường kính ống $\leq 60$ mm	Mét	189
11	Đổ hầm BTCT loại 1N (Hầm nắp 600x900)	Hầm	30
12	Khoan lỗ hầm BTCT hiện hữu (để kết nối ống PVC D56 vào hầm hiện hữu)	Lỗ khoan	2
<b>C</b>	<b>Cung cấp và lắp đặt vật tư B cấp (Nhà thầu cấp)</b>		
1	Cung cấp ống thép mạ kẽm D59.9 dày 3mm	Mét	107
2	Cung cấp ống nhựa PVC D56 dày 3mm	Mét	3.162
3	Cung cấp ống nhựa PVC 2 mảnh D32 dày 4mm (kèm dây rút)	Mét	1.498
4	Cung cấp Ống cong R900 D56	Cái	1
5	Cung cấp dây đai Inox A200x1200x0.65 (có khoá)	Sợi	142

### 3. Thời hạn hoàn thành.

- Trong vòng 112 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ gói thầu còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục của gói thầu như sau.

STT	Hạng mục	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1	Xin phép thi công công trình	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Trong vòng 45 ngày
2	Thi công xây dựng	Kể từ ngày khởi công công trình	Trong vòng 67 ngày

## II. Yêu cầu về Xin phép thi công và các quy định liên quan

Bao gồm nhưng không giới hạn các công việc, trách nhiệm như sau:

### 1. Trước khi thi công:

Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực, bằng kinh phí của mình, Nhà thầu có nghĩa vụ thông qua Chủ đầu tư về kế hoạch xin phép các đơn vị chủ quản hạ tầng/người dân để được chấp thuận thực hiện:

+ Nhà thầu chủ động liên hệ với các cấp đơn vị chủ quản hạ tầng/người dân để: thỏa thuận, đàm phán sao cho được thi công công trình (treo cáp trên cột điện lực, đào đường, khoan ngầm, xây hầm cáp, trồng cột,...) nhưng không làm phát sinh chi phí thuê hạ tầng cho Chủ đầu tư; Không bị phạt/khởi kiện/buộc tháo dỡ hạ tầng hiện hữu/đang thi công;

+ Việc thỏa thuận, đàm phán xin phép thi công đảm bảo: thi công thuận lợi, đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, không phát sinh chi phí cho Chủ đầu tư. Tất cả mọi phương án, đề xuất, thoả thuận,.... của Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư duyệt trước khi tiếp xúc và làm việc với đơn vị chủ quản hạ tầng.

### 2. Trong quá trình thi công và sau khi thi công:

Nhà thầu có trách nhiệm chi trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện các công việc trên (nếu có) trong suốt quá trình thi công và **duy trì trách nhiệm này trong vòng 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình.**

*Lưu ý: Chủ đầu tư có thể dùng giá trị bảo hành để dự phòng chi trả cho các khoản phát sinh thuộc các hạng mục trên nếu có.*

#### **IV. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật**

1. Quy định kỹ thuật chính xác và rõ ràng là một điều kiện tiên quyết để các nhà thầu đáp ứng một cách thực tế và cạnh tranh các yêu cầu của Chủ đầu tư mà không đặt điều kiện cho E-HSDT của Nhà thầu. Quy định kỹ thuật phải được soạn thảo để không làm hạn chế cạnh tranh, đồng thời nêu rõ các yêu cầu về trình độ tay nghề, vật tư và hiệu suất sử dụng của các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp. Quy định kỹ thuật cần yêu cầu rằng tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

2. Trong yêu cầu về mặt kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật tư, máy móc, thiết bị.

3. Trường hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật tư, máy móc, thiết bị nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của vật tư, máy móc, thiết bị thì phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.

4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);

5. Đấu thầu bền vững: Trường hợp có yêu cầu về đấu thầu bền vững thì chủ đầu tư cần đưa ra quy định bảo đảm sự thân thiện với môi trường, xã hội (sử dụng vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị được chứng nhận nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, vật liệu không nung, vật liệu bền vững, thân thiện môi trường, vật liệu có khả năng tái chế, tái sử dụng; biện pháp thi công nhằm hạn chế mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực tới mặt bằng, khu vực thi công...) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

6. Đối với phạm vi công việc gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra, các yêu cầu về kỹ thuật do Chủ đầu tư đưa ra cần chú trọng vào sản phẩm đầu ra như tiêu chuẩn, quy cách, thông số kỹ thuật, chất lượng... của công trình. Chủ đầu tư cũng cần nêu các tiêu chuẩn thi công nhà thầu phải đáp ứng, tuy nhiên, các tiêu chuẩn này không nhằm mục đích hạn chế sự tham gia của nhà thầu. Nhà thầu có thể áp dụng các tiêu chuẩn khác nhưng phải chứng minh các tiêu chuẩn này tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn do Chủ đầu tư yêu cầu. Về cơ bản, E-HSMT không cần nêu quy trình, phương pháp thực hiện dịch vụ cụ thể mà nhà thầu phải tuân theo. Nhà thầu được quyền đề xuất quy trình, phương pháp thực hiện mà nhà thầu thấy là thích hợp để thực hiện gói thầu.

Yêu cầu về kỹ thuật cần thể hiện các mức độ đáp ứng yêu cầu về kết quả đầu ra tương ứng với số tiền bị giảm trừ giá trị thanh toán trong quá trình khai thác công trình; yêu cầu về chất lượng, độ bền công trình và các yêu cầu khác.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

### 1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

- Quy chuẩn Quốc gia QCVN 07-8:2023/BXD về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình viễn thông;
- Quy chuẩn Quốc gia QCVN 33:2019 về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;
- TCVN 8700:2011: “Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật”;
- Tiêu chuẩn TCVN 8665:2011: “Sợi quang dùng cho mạng viễn thông – Yêu cầu kỹ thuật”;
- Tiêu chuẩn ITU G.652D về cáp sợi quang;
- 3.23-QĐ/MVT/HDCV/FTEL: Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật cáp quang của FTEL;
- 3.31-QĐ/MVT/HDCV/FTEL: Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật phụ kiện cho tuyến cáp quang sử dụng cáp ADSS;
- TCVN 8699:2011 Mạng Viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm – Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 7305:2008 – ISO 4427:2007 Hệ thống ống nhựa - Ống Polyetylen (PE) và phụ tùng;
- TCVN-5847:2016 Cột bê tông cốt thép ly tâm – Kết cấu và kích thước.
- QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện.
- Quyết định số 201/QĐ-EVN ngày 21/02/2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành “Quy định treo cáp viễn thông trên cột điện của Tập đoàn Điện lực quốc gia Việt Nam”,

và các tiêu chuẩn về xây dựng cơ bản của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hiện hành có liên quan.

- Đối với hạng mục thi công tuyến cống bê, trồng cột và kéo cáp quang: Nhà thầu thi công theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt của Bên A cung cấp (kể cả phần sửa đổi, bổ sung, phát sinh được chủ đầu tư chấp thuận), phải đảm bảo phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan.
- Đối với hạng mục thi công hàn nối: Suy hao các mối hàn không vượt quá 0,12dB; suy hao trung bình toàn tuyến 2 chiều trên mỗi tuyến cáp (Span) với tất cả các core cáp đều < 0,21 dB/km;
- Trong trường hợp đặc biệt, chỉ chấp nhận một số mối hàn có suy hao > 0,12 dB nhưng phải đảm bảo các điều kiện sau:
  - + Nhà thầu đã tiến hành sửa chữa, khắc phục hàn lại các mối này tối thiểu 03 lần, có xác nhận của cán bộ giám sát Chủ đầu tư,
  - + Suy hao mối hàn không vượt quá 0,25dB,
  - + Số mối hàn có suy hao từ 0,12dB ÷ 0,25dB không vượt quá 05% tổng số mối hàn trong tuyến cáp (span) đó.

## 2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

- Nhà thầu phải có sơ đồ tổ chức thi công tại công trường, trong đó ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí quản lý kỹ thuật.
- Tổ chức thi công tại công trường:
  - + Số đội thi công: tổ chức tối thiểu 02 đội, tổng số nhân sự ít nhất 08 người;
  - + Chỉ huy công trình: tối thiểu 01 người, có trình độ đại học trở lên chuyên ngành Điện tử viễn thông, xây dựng hoặc tương đương, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm triển khai các công trình tương đương.
  - + Cán bộ kỹ thuật: tối thiểu 02 người, có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành viễn thông, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm triển khai các công trình tương đương.
- Chủ đầu tư và Đại diện Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khác của Nhà thầu để kiểm tra;
- Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở công trường, nơi được quy định trong Hợp đồng, Chủ đầu tư và Đại diện Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu;
- Nhà thầu và Đại diện Nhà thầu tạo mọi điều kiện cho Chủ đầu tư và Đại diện Chủ đầu tư tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu;
- Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào đã xong vào thời điểm trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Chủ đầu tư sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy.

## 3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

- Đối với vật tư B cấp (gông treo cáp các loại, ống nhựa/HDPE, biển báo, cột BTLT, khung, nắp bể...): nhà thầu cung cấp đúng chủng loại và đầy đủ số lượng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt của Bên A; có nghĩa vụ gửi hàng mẫu (hoặc kiểm định chất lượng) để Bên A đánh giá (nếu cần).
- Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây (Tối thiểu phải đáp ứng số lượng máy móc dụng cụ thi công đã liệt kê), kèm theo văn bản, hồ sơ hợp lệ chứng minh nguồn gốc sở hữu hoặc đi thuê thiết bị của nhà thầu.
- Số lượng chủng loại máy móc, thiết bị bao gồm:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn cáp quang (FUJIKURA 60S hoặc FITEL S178A trở lên hoặc các dòng máy tương đương)	≥ 01 máy

2	Máy đo cáp quang (JDSU MTS6000 hoặc EXFO FTB200-V2 trở lên hoặc các dòng máy tương đương. Module đo OTDR: $\geq 40$ dB)	$\geq 01$ máy
3	Máy cắt bê tông 12 CV (MCD 218)	$\geq 01$ máy
4	Máy trộn bê tông - dung tích : 250 lít	$\geq 01$ máy
5	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất : 1,5 kW	$\geq 01$ máy
6	Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng : 70 kg	$\geq 01$ máy
7	Máy khoan băng đường (Thiết bị khoan, lắp đặt đường ống ngầm qua đường sắt, đường bộ)	$\geq 01$ máy
8	Xe tải $\geq 1,5$ tấn (vận chuyển vật tư: cáp quang, ống, gông,...)	$\geq 01$ xe

#### 4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

- Nhà thầu có trách nhiệm làm việc với các cấp đơn vị chủ quản hạ tầng nơi tuyến cáp đi qua khảo sát hiện trường, lập phương án thi công, đăng ký kế hoạch công tác với đơn vị quản lý;
- Bố trí tổ đội thi công;
- Khoan ngầm, đào rãnh, lắp đặt tuyến ống, xây dựng bê cấp và hoàn trả mặt bằng;
- Trồng cột mới;
- Ra kéo cáp quang;
- Lắp gông, vật tư treo néo cáp;
- Căng hãm, hoàn thiện treo cáp;
- Hàn nối ODF, Măng xông;
- Đo kiểm cáp trên toàn mỗi tuyến cáp từ ODF/trạm đến ODF/trạm.
- Thu hồi cáp quang treo và vật tư treo cáp; thu hồi măng xông và ODF nếu có.

#### 5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;

Không

#### 6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

Nhà thầu phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

#### 7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;
- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;

- Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường;
- Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

## **8. Yêu cầu về an toàn lao động;**

### **8.1 Các yêu cầu trước khi thi công**

- Công trình trước khi thi công phải có đầy đủ thủ tục về xây dựng cơ bản theo quy định của Nhà nước, phương án thi công và phương án đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động.
- Khi thi công cáp treo trên hệ thống cột Điện lực trung thế, đơn vị thi công cần làm phương án an toàn điện với đơn vị quản lý vận hành tuyến đường dây đó.
- Đơn vị thi công phải khảo sát lại để nắm vững các đặc điểm về địa hình để lập phương án tổ chức thi công, giao Chủ đầu tư phê duyệt...
- Đơn vị thi công phải tổ chức phổ biến đầy đủ yêu cầu xây lắp, đặc điểm công trình.
- Tổ chức phân công giao việc đến các đội, tổ, nhóm làm việc rõ ràng, có nhật ký công tình, giao việc phải phù hợp với trình độ kỹ thuật và sức khỏe của công nhân.
- Đơn vị sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện về kỹ thuật, an toàn lao động.
- Bố trí lán trại, nơi ăn ở cho công nhân trên công trình phải thuận tiện cho sinh hoạt và đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Phải có phương án phòng hoá hoạn, phòng dịch, lũ lụt, mưa bão...

### **8.2 An toàn lao động trong khi thi công**

- Ngoài việc chấp hành quy định an toàn của ngành và các ngành khác có liên quan cùng với những quy định của địa phương với công trình này, đơn vị thi công cần phải lưu ý:
- Đơn vị thi công phải khảo sát kỹ hiện trường và nghiên cứu kỹ hồ sơ thiết kế sau đó có phương án thi công hợp lý, được sự chấp thuận về biện pháp an toàn điện với Đơn vị quản lý, vận hành tuyến đường dây mới tiến hành thi công.
- Phối hợp với Điện lực giám sát trong quá trình thi công để bảo đảm an toàn cho quá trình thi công và mạng lưới truyền tải điện đang vận hành của Điện lực.
- Trong suốt quá trình thi công phải liên hệ chặt chẽ với các đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo an toàn về người, vật tư, thiết bị thi công và các công trình khác có liên quan.
- Người lao động phải được trang bị bảo hộ lao động và phương tiện thi công phù hợp với công trình và phải thường xuyên kiểm tra các trang bị bảo hộ lao động.
- Trong trường hợp phải tạm dừng thi công thì phải có biện pháp an toàn lao động và phương tiện tham gia giao thông.
- Trong điều kiện làm việc ngoài trời nắng, phải bố trí ca kíp hợp lý và các biện pháp đề

phòng say nắng cho người lao động.

- Không thi công khi trời mưa, không khí độ ẩm cao.
- Bố trí nhân lực hợp lý cho từng phần việc.
- Thi công ở những nơi có nhiều người và phương tiện tham gia giao thông phải có biện pháp như thông báo bằng tín hiệu, biển báo, biển cấm... và khi cần thiết phải bố trí người gác.
- Cần thi công dứt điểm từng lô cấp một, sau đó mới thi công lô khác.

### **8.3 Đảm bảo an toàn giao thông**

- Nhà thầu thi công phải có kế hoạch kiểm soát đảm bảo giao thông, an toàn giao thông trong quá trình thi công. Kế hoạch kiểm soát giao thông bao gồm các phương án đảm bảo giao thông, các phương tiện và các thiết bị sử dụng để kiểm soát giao thông hợp lý, đúng quy định trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án. Trước khi triển khai thi công nhà thầu đệ trình Kỹ sư chấp thuận toàn bộ thiết kế mặt bằng thi công bao gồm các vị trí công trình, giới hạn thi công và giới hạn cần đảm bảo an toàn thi công.

#### **❖ Các trang bị cho đảm bảo giao thông:**

- Các hệ thống biển báo, rào chắn phải tuân thủ các yêu cầu được quy định trong điều kiện báo hiệu đường bộ 22 TCN 237-01.
- Việc điều khiển và bố trí giao thông tạm thời phải được kiểm tra và duy trì thường xuyên trong suốt thời gian thi công.
- Để đảm bảo an toàn giao thông, hệ thống cọc tiêu và biển báo, biển chỉ dẫn và hàng rào công trường sẽ được bố trí ở tất cả các vị trí cần thiết dọc theo tuyến đúng như qui định đã được kỹ sư phê duyệt.

#### **❖ Biện pháp đảm bảo giao thông:**

- Biện pháp đảm bảo giao thông chung.
  - + Tại mỗi đoạn thi công, Nhà thầu tổ chức đảm bảo giao thông trên đoạn đó.
  - + Tổ chức cung cấp vật liệu thi công ngày nào gọn ngày đó. Kết thúc ca làm việc, thiết bị xe máy thi công được tập kết ra nơi an toàn không chiếm phần đường xe chạy.
  - + Bố trí cán bộ an toàn viên có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và sức khoẻ thường xuyên kiểm tra công tác đảm bảo an toàn giao thông trên từng đoạn.
  - + Nhà thầu kết hợp chặt chẽ với địa phương, công an, đơn vị quản lý đường trong công tác tuần tra canh gác đảm bảo giao thông đoạn tuyến thi công và chọn vị trí thích hợp để làm nhà ở cho cán bộ công nhân viên chức, kho tàng, nhà xưởng, bãi tập kết xe máy.
  - + Lực lượng của Nhà thầu được giao phụ trách công tác đảm bảo giao thông phải luôn mặt trang phục phản quang, phải cầm cờ và các thiết bị điều khiển giao thông.
  - + Trong trường hợp bị ách tắc giao thông do bất cứ lý do nào, Nhà thầu cũng phải tìm mọi giải pháp, để giải phóng nhanh và an toàn cho thiết bị, xe cộ qua lại trên đoạn tuyến mà nhà thầu đảm nhiệm.

- + Thường xuyên phối hợp với cảnh sát giao thông, cảnh sát khu vực và chính quyền địa phương để giải quyết các sự cố khi xảy ra ách tắc giao thông.
- Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công về ban đêm: Để đảm bảo tiến độ thi công của công trình đã đề ra và được sự cho phép của chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ tổ chức thi công một số các hạng mục xây dựng về ban đêm. Công tác đảm bảo an toàn khi thi công về ban đêm phải tuân thủ theo một quy định chặt chẽ được Nhà thầu đề ra tại hiện trường và được phổ biến tới từng cán bộ và công nhân thi công.
- Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông chủ yếu khi thi công về ban đêm được áp dụng và triển khai như sau:
  - + Lắp đặt các đèn báo hiệu, đèn chiếu sáng xung quanh khu vực thi công.
  - + Đặt biển báo hiệu công trường thi công về ban đêm, biển báo hạn chế tốc độ đối với các đoạn thi công ngang đường, các đoạn đường ngang cắt dọc tuyến.
  - + Bố trí người cảnh giới mặt trang phục phản quang điều khiển giao thông trong phạm vi tuyến đang thi công.
  - + Lắp hệ cọc tiêu, rào che hoặc barie xung quanh các vị trí đang thi công.
  - + Bố trí phương tiện để phục vụ công tác đảm bảo giao thông. Trong trường hợp cần thiết phải điều động ngay đến hiện trường đào xùc hoặc gạt bỏ chướng ngại vật nằm cản trở giao thông trên đường.

#### **8.4 An toàn lao động khi làm việc ở đường dây điện lực**

- Khi tổ chức thi công các công trình ngoại vi Viễn thông ở khu vực có điện lực phải chấp hành đầy đủ quy phạm kỹ thuật an toàn điện của Nhà nước, của ngành.
- Tuân thủ QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện.
- Công nhân được phân công làm việc ở gần khu vực gần đường dây điện lực phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn điện (sử dụng các trang bị, dụng cụ an toàn điện và hiểu biết phương pháp cứu chữa người khi bị điện giật...).
- Phải kiểm tra hiện trường, kiểm tra việc cắt hoặc đóng điện, kiểm tra độ cao khoảng cách an toàn từ cáp, từ nơi làm việc của công nhân đến đường dây điện lực. Công nhân khi làm việc ở gần các đường dây điện lực hoặc trong các khu vực có điện phải trang bị phòng hộ an toàn điện đầy đủ.
- Không được thi công trên hệ thống cột điện lực trong những ngày mưa, tránh ảnh hưởng lan truyền của điện, điện từ.
- Khoảng cách giữa đường dây điện lực thấp nhất và tuyến cáp quang treo cao nhất theo quy định của điện lực.
- Không được tiếp xúc với cây hoặc vật dụng có khả năng tiếp xúc với điện lưới.

#### **8.5 An toàn lao động khi làm việc trên cao**

- Khi làm việc trên cao (trên cột điện, trên mái nhà, trên cầu, trên đồi, núi v.v..) người lao động phải được học tập về an toàn lao động và không mắc bệnh kinh niên về thần kinh, tim mạch. Tuyệt đối không được phân công cho người vừa mới ốm dậy, sức khoẻ chưa bình thường làm việc trên cao.

- Trước khi làm việc trên cao người lao động phải kiểm tra độ bền vững, chắc chắn của thang, cột...
- Khi làm việc trên cao phải dùng dây an toàn và các phương tiện bảo hộ lao động khác.
- Đưa vật liệu, dụng cụ lắp đặt trên cao hoặc đưa xuống phải sử dụng dây kéo và dùng ròng rọc. Các dụng cụ phải có túi đựng không tùy tiện bỏ vào túi quần, áo hoặc gác trên ngọn cột, mái nhà.
- Khi có người làm việc trên cao phải có người cảnh giới không cho người đứng hoặc đi qua lại dưới đất xung quanh điểm cao để phòng dụng cụ, vật liệu rơi nguy hiểm.
- Không được sử dụng dây co hoặc cột chống làm phương tiện lên xuống.
- Tùy thuộc vào độ cao khác nhau của cột treo cáp phải sử dụng thang có độ dài thích hợp. Phải có biện pháp cố định thang trước khi lên làm việc.

#### **8.6. An toàn đường sắt**

- Thi công gần đường sắt phải phân công người cảnh giới, báo hiệu có tàu chạy qua.
- Không tập kết vật tư trong phạm vi hành lang an toàn của Đường sắt.

#### **8.7. An toàn lao động trong vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu và dụng cụ thi công**

- Các phương tiện vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công (ô tô, cần cẩu, xe cải tiến, v.v...) phải được chuẩn bị đầy đủ cho từng công việc và phải kiểm tra xác định độ bền vững của phương tiện trước khi sử dụng.
- Nguyên vật liệu và dụng cụ thi công xếp trên phương tiện vận chuyển phải gọn gàng, vật nặng xếp dưới, vật nhẹ xếp trên. Trước khi vận chuyển phải đảm bảo chằng buộc chắc chắn. Đối với hoá chất phải xếp đặt vững chắc, chống đổ vỡ gây ra cháy nổ.
- Bốc dỡ cột treo cáp thông tin lên xuống xe phải có ròng rọc, dây thừng, đòn bẩy, cầu trượt và bố trí đủ số người phù hợp với trọng tải của cột.
- Khiêng cột treo cáp thông tin và vận chuyển vật liệu qua cầu, dọc đường sắt, đường ô tô, phải quan sát tàu xe qua lại.

#### **8.8. An toàn lao động khi đào rãnh cáp**

- Phải kiểm tra độ bền vững của các dụng cụ lao động (cuốc, thuổng, xẻng, xà beng, máy đào.v.v...) trước khi đào lỗ cột và rãnh cáp.
- Trước khi đào phải xác định được vị trí các công trình ngầm khác để có biện pháp xử lý và thông báo cho chủ sở hữu biết khi cần thiết. Đào lỗ cột trên đường phố, nhà dân, nơi đông người qua lại, phải có biển cấm và rào chắn. Ban đêm có đèn báo hiệu tại hố cột hoặc rãnh cáp.
- Khi gặp chướng ngại vật hoặc các công trình ngầm khác (ống dẫn nước, cáp điện lực.v.v...) phải tạm dừng công việc và báo cáo với cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.
- Khi đào lỗ cột ở gần tường nhà hoặc ở ruộng nước, đầm lầy phải có biện pháp chống đà tường, chống sập và lở đất ...

#### **8.9 An toàn lao động khi thi công kéo cáp ngầm**

- Khi ra cáp trực tiếp từ mobin cáp, mobbin cáp phải được đặt lên giá đà kích cáp chắc chắn. Giá đà kích cáp đặt trên mặt đất phải thẳng bằng không lệch so với hướng tuyến cáp để dễ dàng ra cáp.
- Khi ra cáp trên đường phố, vượt đường tàu, vượt đường ô tô, phải bố trí người canh gác đường vượt và có biển cấm đề phòng xe cộ và người qua lại vướng phải cáp. Ra cáp không được gây trở ngại cho người và xe cộ qua lại.
- Đường kéo cáp đi qua phải được chuẩn bị trước không còn chướng ngại. Phải có người hướng dẫn báo hiệu để đảm bảo an toàn cho công lúc kéo cáp, an toàn cho người và tàu xe qua lại.
- Công nhân kéo cáp trên đường phố phải chấp hành luật lệ giao thông. Các dụng cụ kéo cáp phải sắp đặt gọn gàng không để ngổn ngang trên đường phố. Trong khi làm phải chú ý bảo vệ tốt các công trình khác trên đường cáp đi qua.
- Công nhân kéo cáp phải có gắng tay, đệm vai, kéo thống nhất cùng vai, đề phòng lúc kéo dây cáp gạt người ngã xuống rãnh cáp.
- Khi ra cáp, người giữ cuộn cáp phải thống nhất hiệu lệnh để xử lý khi có chướng ngại, buộc mọi người kéo cáp dừng lại. Người giữ cáp không dùng gắng sợi mà phải dùng gắng tay vải bạt.
- Dụng cụ đóng mở bệ cáp phải vững chắc. Khi đóng mở động tác nhịp nhàng. Nắp bệ cáp để bên miệng hố phải kê vững đề phòng rơi, sập gây tai nạn và có biển báo hiệu có người làm việc dưới cống bệ.
- Công nhân làm việc dưới đường cống bệ cáp phải đeo khẩu trang, đi ủng. Khi mở nắp cáp phải thông thoáng khí thời gian từ 5 đến 10 phút mới xuống làm việc, đề phòng nhiễm hơi độc dưới cống bệ sông lên.

#### **8.10 An toàn lao động trong hàn nối cáp.**

- Công nhân hàn phải có khẩu trang, kính, giày hoặc ủng bảo hộ lao động.
- Trước khi hàn nối cáp phải chuẩn bị đủ các điều kiện an toàn (biển chắn đường, tấm che nắng, mưa, quạt giảm hơi độc...)
- Các dụng cụ và phương tiện hàn nối cáp phải được xếp đặt ngăn nắp. Xăng dầu phải để cách xa ngọn lửa.

#### **9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;**

- Nhân lực chủ chốt của đơn vị: Tối thiểu công nhân bậc 3/7 có chứng chỉ an toàn lao động do cơ quan quản lý Nhà nước cấp còn hiệu lực trong thời gian qui định.
- Huy động nhân lực địa phương
- Thiết bị chính phục vụ thi công công trình

#### **10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;**

- Bố trí nhân lực và phương tiện thi công theo tổ đội;
- Biện pháp kỹ thuật thực hiện tuân thủ các bước như thiết kế.

## 11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

- Yêu cầu nhà thầu phải có nhân sự giám sát onsite thường xuyên trên hiện trường thực hiện giám sát kỹ thuật thi công theo đúng hồ sơ chào thầu.

## 12. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.

### 12.1 Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư theo các nội dung cụ thể sau:

- Thời gian bảo hành công trình là 12 (mười hai) tháng được tính từ ngày toàn bộ công trình bắt đầu được đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình được gia hạn cho đến khi Nhà thầu khắc phục và sửa chữa xong toàn bộ các sai sót theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Hình thức bảo hành: Chủ đầu tư giữ lại giá trị bảo hành bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh ngân hàng, giá trị bằng 5% (năm phần trăm) tổng giá trị quyết toán công trình. Giá trị bảo đảm bảo hành có hiệu lực đến thời điểm sau khi kết thúc thời hạn bảo hành 30 (ba mươi) ngày;
- Ngoài các qui định trên, Chủ đầu tư còn dùng giá trị bảo hành để dự phòng chi trả cho các khoản phát sinh (nếu có) thuộc hạng mục "II. Yêu cầu về Xin phép thi công và các quy định liên quan".

### 12.2 Quy định chế tài trong trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ thực hiện việc xin phép thi công, thi công xây lắp gói thầu, chi tiết như sau:

- Nếu Nhà thầu thực hiện chậm tiến độ như cam kết đối với việc xin phép thi công, thi công xây lắp thì Nhà thầu sẽ bị phạt dựa trên số ngày chậm tiến độ. Mức phạt sẽ tăng theo khung thời gian với tỷ lệ mức phạt cụ thể như sau:
  - + 0,15% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trong 12 ngày chậm tiến độ đầu tiên (từ ngày chậm thứ nhất đến ngày chậm thứ 12)
  - + 0,3% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trong 12 ngày chậm tiến độ tiếp theo (từ ngày chậm thứ 13 đến ngày chậm thứ 24)
  - + 0,54% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trong 12 ngày chậm tiến độ kế tiếp (từ ngày chậm thứ 25 đến ngày chậm thứ 36).
- Khi tỷ lệ vi phạm hợp đồng tích lũy của nhà thầu (bao gồm phạt tiến độ và phạt vi phạm các nghĩa vụ khác...) đến 12% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng với Nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư gửi thông báo cho Nhà thầu và có thể tự mình hoặc yêu cầu bất kỳ bên thứ ba nào khác tiếp tục thực hiện Hợp Đồng. Trong trường hợp này, ngoài khoản phạt chậm tiến độ thực hiện nêu trên, Nhà thầu phải có nghĩa vụ bồi thường cho Chủ đầu tư toàn bộ các chi phí phát sinh do hành vi vi phạm Hợp Đồng của Nhà thầu gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: các chi phí đi lại, lưu trú, chi phí sinh hoạt,... của nhân sự giám sát của Chủ đầu tư trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng).

## 13. Vật tư A cấp (Chủ đầu tư cấp)

Khối lượng vật tư A cấp phục vụ thi công gói thầu theo bảng sau:

STT	Chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cáp quang luồn công 24 sợi G.652D có băng thép (DUA-24)	Mét	5.100
2	Măng xông cáp quang 24 sợi (FOC 24 core - SSS)	Bộ	2
3	Ống co nhiệt 60 mm (network)	Cái	72
4	Bộ néo cáp ADSS 24FO KV100m	Bộ	1
5	Khóa cố định khay chứa slipter với tập điểm (Cổ dê phi 25)	Cái	2
6	Đầu nối quang SC/APC single mode, đơn	Cái	24
7	Dây nhảy quang OJC-SM-3-SC/APC-SC/APC-2.0-SP	Sợi	12
8	Dây rút 10cm (3x100mm)	Sợi	50
9	Ống nhựa PE (đường kính: 5 mm - độ dày: 0.8 mm)	Mét	12

#### IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1	1/25	Bản vẽ Tổng thể tuyến cáp	15/02/2025
2	2/25	Bản vẽ Tổng thể Măng xông	15/02/2025
3	3/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D0-D6	15/02/2025
4	4/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D6-D12	15/02/2025
5	5/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D12-D14	15/02/2025
6	6/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D14-D16	15/02/2025
7	7/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D16-D17	15/02/2025
8	8/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D17-D20	15/02/2025
9	9/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D20-D25	15/02/2025
10	10/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D25-D28	15/02/2025
11	11/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D28-D31	15/02/2025
12	12/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D31-D34	15/02/2025
13	13/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D34-D39	15/02/2025
14	14/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D39-D47	15/02/2025
15	15/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D47-D50	15/02/2025
16	16/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D50-D53	15/02/2025
17	17/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D53-D60	15/02/2025
18	18/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D60-D66	15/02/2025

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
19	19/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D66-D71	15/02/2025
20	20/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D71-D75	15/02/2025
21	21/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D75-D82	15/02/2025
22	22/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D82-D85	15/02/2025
23	23/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D85-D91	15/02/2025
24	24/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D91-D95	15/02/2025
25	25/25	Bản vẽ chi tiết Thi công đoạn từ D95-MPOP2 Nha Trang	15/02/2025
<b>BẢN VẼ QUY CÁCH</b>			
1	1/12	Quy cách rãnh đào – Cấu trúc tái lập	15/02/2025
2	2/12	Quy cách xây dựng hầm BTCT 1N (KT 900x600)	15/02/2025
3	3/12	Quy cách in chữ trên nắp hầm	15/02/2025
4	4/12	Quy cách lắp đặt ống thép mạ kẽm qua cầu	15/02/2025
5	5/12	Quy cách lắp đặt ống nhựa PVC qua cầu	15/02/2025
6	6/12	Quy cách lắp đặt ống thép mạ kẽm qua cống hộp	15/02/2025
7	7/12	Quy cách mặt cắt ngang điển hình đường Cầu Dừa – Phú Nông	15/02/2025
8	8/12	Quy cách mặt cắt ngang điển hình đường Lương Định Của	15/02/2025
9	9/12	Quy cách mặt cắt ngang điển hình đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ D8-D12)	15/02/2025
10	10/12	Quy cách mặt cắt ngang điển hình đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ D13-D21)	15/02/2025
11	11/12	Quy cách mặt cắt ngang điển hình đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ D22-D42)	15/02/2025
12	12/12	Quy cách mặt cắt ngang điển hình đường QL1A (đoạn từ D1-D5)	15/02/2025

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

*Điều kiện hợp đồng bao gồm E-ĐKC, E-ĐKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.*

*E-ĐKC Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. E-ĐKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với E-ĐKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng*

*Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng hợp đồng theo kết quả đầu ra, tùy theo chất lượng đầu ra mà nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc bằng 100% giá trị theo khối lượng công việc thực tế nhân với đơn giá (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh). Nếu nhà thầu không đảm bảo chất lượng công trình như đã đề xuất thì nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.*

*Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của công trình (ví dụ lấy mẫu phân tích, phương pháp và trình tự thủ tục sẽ áp dụng để đánh giá...); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.*

*Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu có nguồn lực tài chính để khuyến khích nhà thầu khi nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “tăng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào E-ĐKC và E-ĐKCT.*

	<b>A. Các quy định chung</b>
<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>1.3. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;</p> <p>1.4. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.5. “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.</p> <p>1.6. “Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng” là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;</p> <p>1.7. “Công trình” là các Công trình chính và Công trình tạm, hoặc một trong hai loại công trình này tùy từng trường hợp theo quy định <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.8. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình;</p> <p>1.9. “Công trình chính” là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng;</p> <p>1.10. “Công trường” là khu vực được xác định trong <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p><b>1.11. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.</b></p> <p>1.12. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.13. “Năm” là năm dương lịch;</p> <p>1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;</p> <p>1.15. “Ngày” là ngày dương lịch;</p> <p>1.16. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo <b>E-ĐKCT</b>;</p>

- 1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **E-ĐKCT**;
- 1.18. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong **E-ĐKCT**. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;
- 1.19. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **E-ĐKCT**;
- 1.20. “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- 1.21. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp;
- 1.22. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;
- 1.23. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;
- 1.24. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 48 E-ĐKC;
- 1.25. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;
- 1.26. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;
- 1.27. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;
- 1.28. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;
- 1.29. “Nhà thầu tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng. Tên nhà thầu tư vấn được quy định tại **E-ĐKCT**;
- 1.30. “Tư vấn thiết kế” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.
- 1.31. “Đại diện nhà thầu tư vấn” là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.
- 1.32. “Vật tư” là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình;
- 1.33. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng

	<p>đã ký.</p>
<p><b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, các thuật ngữ “Công trình”, “Ngày hoàn thành” và “Ngày hoàn thành dự kiến” quy định tại E-ĐKC được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình.</p> <p>2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>d) E-ĐKC của hợp đồng;</li> <li>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</li> <li>g) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu;</li> <li>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</li> <li>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>2.4. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản hợp đồng;</li> <li>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</li> <li>d) Tài liệu khác (nếu có).</li> </ul>
<p><b>3. Luật và ngôn ngữ</b></p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p><b>4. Thông báo</b></p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày</p>

	nào đến muộn hơn.
<b>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<b>6. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường</b>	<p>An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ</p> <p>6.1. An toàn lao động</p> <p>a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;</p> <p>b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn;</p> <p>c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;</p> <p>d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy</p>

	<p>chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;</p> <p>đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.</p> <p>Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.</p> <p><b>6.2. Bảo vệ môi trường</b></p> <p>a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;</p> <p>b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;</p> <p>c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.</p> <p><b>6.3. Phòng chống cháy nổ:</b></p> <p>Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.</p>
<p><b>7. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư</b></p>	<p><b>7.1. Quyền của Chủ đầu tư:</b></p> <p>a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;</p> <p>b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.</p> <p>c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết</p>

	<p>định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;</li> <li>- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;</li> </ul> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>7.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;</li> <li>b) Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính của Chủ đầu tư tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;</li> <li>c) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;</li> <li>d) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;</li> <li>e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;</li> <li>g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.</li> </ul>
<p><b>8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu</b></p>	<p>8.1. Quyền của Nhà thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.</li> <li>b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.</li> </ul> <p>8.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đại diện Chủ đầu tư tiến hành xin giấy phép thi công.</li> <li>a) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.</li> <li>b) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán</li> </ul>

hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

c) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

d) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

### 8.3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

### 8.4. Hợp tác

- Nhà thầu phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với nhân sự của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường... của nhà thầu trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong E-HSMT của Chủ đầu tư.

### 8.5. Định vị các mốc

- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

### 8.6. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thăm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong E-HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng, hợp lý, thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư đưa ra (nếu có). Trường hợp chỉ dẫn của Chủ đầu tư tạo ra sự thay đổi thì các bên có thể xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 15 E-ĐKC.

#### 8.7. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

#### 8.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển

tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

#### 8.9. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

#### 8.10. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

#### 8.11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải

	<p>xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p> <p>Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong trong thời gian quy định <b>E-ĐKCT</b> sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.</p> <p>8.12. Các vấn đề khác có liên quan</p> <p>Tất cả các cỗ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.</p> <p>Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.</p>
<p><b>9. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn quản lý dự án (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án thì Nhà thầu tư vấn quản lý dự án có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>9.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn</p> <p>Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.</p> <p>Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gán với chức danh nhà tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu. Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư (<i>vì mục đích của hợp đồng</i>) thì được xem như Chủ đầu tư đã chấp thuận.</p> <p>Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:</p> <p>a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư;</p> <p>b) Nhà thầu tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;</p> <p>c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát,</p>

chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

### 9.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà thầu tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Chủ đầu tư nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì.

Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền.

Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được xác định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của một cá nhân phù hợp với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên:

- a) Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó;
- b) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

### 9.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền.

Chủ đầu tư phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói hoặc nhận được đề nghị chỉ dẫn bằng văn bản nhưng không trả lời bằng văn bản trong khoảng thời gian quy định tại E-ĐKCT thì đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền (*trường hợp cụ thể do các*

	<p><i>bên quy định trong hợp đồng).</i></p> <p>9.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn</p> <p>Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.</p> <p>9.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn (<i>trường hợp Chủ đầu tư không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Chủ đầu tư</i>)</p> <p>Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn (<i>thay mặt cho Chủ đầu tư</i>) sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà thầu tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, nhà thầu tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.</p>
<p><b>10. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng thì Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>10.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng</p> <p>Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. Tư vấn giám sát có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.</p> <p>Tư vấn giám sát không có quyền sửa đổi hợp đồng. Tư vấn giám sát có thể thực hiện quyền hạn được gán với chức danh Tư vấn giám sát như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Tư vấn giám sát được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Tư vấn giám sát, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.</p> <p>Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:</p> <p>a) Tư vấn giám sát không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;</p> <p>b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Tư vấn giám sát (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.</p> <p>10.2. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát</p> <p>Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình (<i>nếu không thuê tư vấn</i></p>

	<p><i>giám sát thi công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư</i>). Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.</p> <p>10.3. Thay thế Tư vấn giám sát</p> <p>Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Tư vấn giám sát thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Tư vấn giám sát được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Tư vấn giám sát bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.</p>
<p><b>11. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>11.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>11.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 11.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>11.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu (<i>hoặc theo thỏa thuận khác của các bên</i>).</p> <p>11.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>12. Hợp tác với các Nhà thầu khác</b></p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.</p>

<p><b>13. Nhân sự và Thiết bị</b></p>	<p>13.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong E-HSDT hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong E-HSDT.</p> <p>13.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.</p> <p>13.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 13.2 E-ĐKC.</p>
<p><b>14. Điện, nước và an ninh công trường</b></p>	<p>14.1 Điện, nước trên công trường</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định ở điểm b Mục này, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.</p> <p>b) Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.</p> <p>14.2. An ninh công trường</p> <p>Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:</p> <p>a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;</p> <p>b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.</p>
<p><b>15. Bất khả kháng</b></p>	<p>15.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>15.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành</p>

	<p>những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cân trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>15.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>15.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>15.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p><b>16. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu</b></p>	<p>Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.</p>
<p><b>17. Rủi ro của Chủ đầu tư</b></p>	<p>17.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro sau đây:</p> <p>a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư;</p> <p>b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.</p> <p>17.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại công trình, nhà xưởng, vật tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ:</p> <p>(a) Một sai sót còn tồn tại vào ngày hoàn thành;</p>

	<p>(b) Một sự việc xảy ra trước ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>(c) Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.</p>
<b>18. Rủi ro của Nhà thầu</b>	Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả công trình, vật tư, nhà xưởng, thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.
<b>19. Bảo hiểm</b>	<p>19.1. Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>19.2. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba.</p>
<b>20. Bảo hành</b>	<p>20.1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <p>a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.</p> <p>20.2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.</p>
<b>21. Thông tin về Công trường</b>	Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong <b>E-ĐKCT</b> và các thông tin khác có liên quan.
<b>22. Bảo đảm an ninh Công trường</b>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường).</p> <p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường.</p>

	<p>Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p> <p>Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất và mức độ của các mối đe dọa.</p> <p>Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p>
<p><b>23. Cổ vật phát hiện tại Công trường</b></p>	<p>23.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác di dời hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>23.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.</p>
<p><b>24. Quyền sử dụng Công trường</b></p>	<p>Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b> thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.</p>
<p><b>25. Ra vào Công trường</b></p>	<p>Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.</p>
<p><b>26. Tư vấn giám sát</b></p>	<p>26.1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong Hợp đồng.</p> <p>26.2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát.</p> <p>Nhà thầu và nhà thầu phụ có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu, báo cáo và sổ sách ghi chép chính xác và có hệ thống về Công trình, thể hiện rõ những thay đổi về thời gian và chi phí liên quan đến Công trình.</p> <p>26.3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ</p>

	thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
<b>27. Giải quyết tranh chấp</b>	<p>27.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>27.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
	<b>B. Quản lý thời gian</b>
<b>28. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến</b>	Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại <b>E-ĐKCT</b> và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>29. Biểu tiến độ thi công chi tiết</b>	<p>29.1. Trong khoảng thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình;</p> <p>b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng;</p> <p>c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.</p> <p>Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.</p> <p>29.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>29.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>29.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật (trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại <b>E-ĐKCT</b> trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng</p>

	<p>kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể.</p> <p>Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.</p>
<p><b>30. Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>30.1. Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>30.2. Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>30.3. Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>30.4. Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>30.5. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>30.6. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;</p> <p>30.7. Các trường hợp khác được mô tả tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>31. Đẩy nhanh tiến độ</b></p>	<p>31.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà</p>

	<p>Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.</p> <p>31.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.</p>
<b>32. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư</b>	<p>Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.</p>
	<b>C. Quản lý chất lượng</b>
<b>33. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị</b>	<p>33.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>33.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>33.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>33.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>
<b>34. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu công việc</b>	<p>34.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm</p> <p>Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng như sau:</p> <p>a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong E-HSMT phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.</p> <p>b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.</p> <p>34.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư</p> <p>a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;</p> <p>b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.</p> <p>Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương</p>

	<p>tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.</p> <p>Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.</p> <p>34.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.</p>
<p><b>35. Xác định các sai sót trong công trình</b></p>	<p>Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.</p>
<p><b>36. Thử nghiệm</b></p>	<p>36.1. Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.</p> <p>36.2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.</p> <p>36.3. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.</p> <p>36.4. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu</p>

	<p>tur, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.</p> <p>36.5. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.</p>
<b>37. Sửa chữa khác phục Sai sót</b>	<p>37.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.</p> <p>37.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.</p> <p>37.3. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.</p>
<b>38. Sai sót không được sửa chữa</b>	<p>38.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.</p> <p>38.2. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.</p> <p>38.3. Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.</p>
<b>39. Dự báo về sự cố</b>	<p>Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.</p>
	D. Quản lý chi phí
<b>40. Loại hợp đồng</b>	Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.
<b>41. Giá hợp</b>	41.1. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT.

<p><b>đồng và bảng giá hợp đồng</b></p>	<p>41.2. Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.</p> <p>41.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.</p>
<p><b>42. Tạm ứng</b></p>	<p>42.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>42.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>42.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.</p> <p>42.4. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).</p>
<p><b>43. Hồ sơ thanh toán</b></p>	<p>43.1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình,</p>

	<p>khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p> <p>43.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.3. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.4. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận khối lượng hoàn thành, mức độ hoàn thành theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, mức độ hoàn thành, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này.</p>
<p><b>44. Thanh toán</b></p>	<p>44.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>44.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>

<b>45. Điều chỉnh thuế</b>	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>46. Tiền giữ lại</b>	<p>46.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình.</p> <p>46.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p>
<b>47. Sửa đổi hợp đồng</b>	<p>47.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;</li> <li>b) Thay đổi về thiết kế;</li> <li>c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>d) Các trường khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b></li> </ul> <p>47.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 47.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>47.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>47.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp</li> </ul>

	<p>đồng đã ký kết;</p> <p>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Mô tả các công việc cần thực hiện.</p> <p>47.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p><b>48. Sự kiện bồi thường</b></p>	<p>48.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:</p> <p>a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 24 E-ĐKC;</p> <p>b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;</p> <p>c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn;</p> <p>d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;</p> <p>đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;</p> <p>e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường.</p> <p>g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;</p>

	<p>h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu.</p> <p>i) Tạm ứng chậm;</p> <p>k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.</p> <p>48.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>48.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.</p> <p>48.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.</p>
<p><b>49. Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng</b></p>	<p>49.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại <b>E-ĐKCT</b> cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>49.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>49.3. Việc thưởng hợp đồng được thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>50. Công nhật</b></p>	<p>50.1. Trường hợp phát sinh Công nhật thì chi phí Công nhật do Nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT sẽ chỉ được áp dụng khi Chủ đầu tư có thông báo trước bằng văn bản về việc các công việc phát sinh sẽ được thanh toán theo Công nhật.</p> <p>50.2. Tất cả công việc thanh toán theo Công nhật phải được Nhà thầu ghi lại.</p> <p>50.3. Nhà thầu được thanh toán các chi phí Công nhật sau khi Chủ đầu tư chấp thuận bản kê khai chi phí Công nhật.</p>
<p><b>51. Chi phí sửa chữa</b></p>	<p>Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của</p>

	Nhà thầu.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>52. Nghiệm thu</b>	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.
<b>53. Hoàn thành</b>	Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.
<b>54. Bàn giao</b>	Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.  Bàn giao hạng mục công trình, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.
<b>55. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành</b>	55.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .  55.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b> hoặc các tài liệu này không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại <b>E-ĐKCT</b> từ khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.
<b>56. Quyết toán và thanh lý hợp đồng</b>	56.1. Quyết toán hợp đồng  Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và gồm các quy định sau:  a) Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận trong khoảng thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> , bao gồm các tài liệu sau:  - Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;  - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;  - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;  - Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;  - Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).  b) Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được

	<p>quá số ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).</p> <p>56.2. Thanh lý hợp đồng</p> <p>Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định sau:</p> <p>a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;</li> <li>- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>b) Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.</p> <p>56.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư</p> <p>Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.</p>
<p><b>57. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>57.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.</p> <p>57.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép;</p> <p>b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;</p> <p>c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;</p> <p>đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;</p> <p>e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;</p> <p>g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;</p> <p>h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị</p>

	<p>cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>57.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 57.2 E-ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.</p> <p>57.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.</p>
<b>58. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng</b>	<p>58.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 E-ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.</p> <p>58.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 57 E-ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.</p>
<b>59. Tài sản</b>	Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.
<b>60. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng</b>	Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT.</p> <p>Bên mời thầu: Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT.</p>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: Xây dựng mới tuyến cáp quang ngầm TBA 220KV Nha Trang - MPOP2 Nha Trang - Năm 2025.
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: Tỉnh Khánh Hòa; Tuyến từ TBA220kV Nha Trang – MPOP2 Nha Trang.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: 112 ngày từ ngày khởi công cho đến ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 112 ngày từ ngày khởi công cho đến ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: ngày đủ điều kiện khởi công và được xác định trên Lệnh khởi công của Chủ đầu tư gửi cho nhà thầu
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn quản lý dự án: Trung tâm Phát triển và Quản lý Đường trục – FPT Telecom – đại diện Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án.</li> <li>- Tư vấn giám sát là: Trung tâm Phát triển và Quản lý Đường trục – FPT Telecom – đại diện Chủ đầu tư thực hiện giám sát.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: ___ [Chủ đầu tư điền]
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <p>Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu; Thông số kỹ thuật; Bản vẽ; Khối lượng công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu; Bảng tiến độ thi công, bảng đăng ký chủng loại vật tư thiết bị được chủ đầu tư đồng ý thông qua, phương án thi công được chủ đầu tư thỏa thuận, các tài liệu liên quan khác phục vụ việc triển khai thi công, nghiệm thu, quyết toán dự án... và các tài liệu khác.</p>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá trị hợp đồng</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.</li> </ul>

	<p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Chủ đầu tư phải hoàn trả cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 60 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
<b>E-ĐKC 8.11</b>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 10 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<b>E-ĐKC 9.3</b>	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].</p>
<b>E-ĐKC 11.2</b>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30%</p>
<b>E-ĐKC 11.4</b>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ</p> <p>Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ sẽ chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.</p>

	<p>1. Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định hiện hành tại một công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp ở Việt Nam, bao gồm:</p> <p>a. Nhà thầu thay mặt Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình xây dựng cùng với vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp của công trình (nếu có). Thời hạn bảo hiểm: kể từ ngày khởi công công trình đến ngày hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng với 24 tháng bảo hành công trình theo qui định. Phí bảo hiểm được tính trên tổng giá trị thiết bị và xây dựng thực tế của công trình. Nhà thầu phải xuất trình Giấy chứng nhận bảo hiểm công trình xây dựng kèm theo bản sao hoá đơn mua bảo hiểm trước khi Chủ đầu tư ban hành lệnh khởi công công trình.</p> <p>b. Nhà thầu phải có nghĩa vụ mua bảo hiểm bằng tiền của Nhà thầu đối với phạm vi bảo hiểm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật tư, thiết bị, xe máy thi công của Nhà thầu phục vụ cho thi công, vật tư thiết bị do Nhà thầu cung cấp cho đến khi được xây lắp đưa vào kết cấu công trình.</li> <li>- Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động.</li> <li>- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3.</li> <li>- Trước khi thi công, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các chứng nhận bảo hiểm theo Hợp đồng này cho Chủ đầu tư.</li> </ul> <p>2. Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư thực hiện tốt các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp xảy ra tổn thất, Nhà thầu phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư đồng thời liên hệ trực tiếp với đơn vị bảo hiểm để làm các thủ tục yêu cầu bảo hiểm theo như các quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập tức thông báo cho Công ty bảo hiểm bằng điện thoại hay điện tín cũng như bằng văn bản, nêu rõ tính chất và mức độ tổn thất.</li> <li>- Thực hiện mọi biện pháp phù hợp với khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp.</li> <li>- Bảo quản các bộ phận bị tổn thất và sẵn sàng để cho đại diện hay giám định viên của công ty bảo hiểm giám định các bộ phận đó. Cung cấp mọi thông tin và chứng từ, văn bản theo yêu cầu của Công ty bảo hiểm.</li> <li>- Thông báo cho cơ quan công an trong trường hợp tổn thất do trộm cắp.</li> <li>- Nhà thầu phải tự gánh chịu chi phí khắc phục tổn thất trong các trường hợp tổn thất sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Chi phí khắc phục tổn thất nhỏ hơn mức miễn bồi thường của hợp đồng bảo hiểm.</li> <li>o Chi phí khắc phục tổn thất vượt quá hạn mức trách nhiệm bồi thường của hợp đồng bảo hiểm.</li> <li>o Nhà thầu bảo hiểm từ chối không bảo hiểm các tổn thất do lỗi của Nhà thầu như: không kịp thời khai báo tổn thất, không hợp tác với nhà thầu bảo hiểm để điều tra tổn thất, không áp dụng những biện pháp ngăn ngừa tổn thất... như quy định trong hợp đồng bảo hiểm.</li> </ul> </li> </ul>
--	--

	3. Mọi thay đổi điều khoản bảo hiểm sẽ không được phép nếu không có sự đồng ý của Chủ đầu tư bằng văn bản trừ khi được qui định trong điều khoản riêng của Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng được hai bên cùng nhất trí ký kết.
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Theo nội dung hồ sơ thiết kế dự án.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo thư mời bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo đề nghị giải quyết tranh chấp cho Bên còn lại thì một trong Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là văn bản có giá trị pháp lý cuối cùng bắt buộc hai Bên phải thi hành, chi phí cho Tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: Chủ đầu tư sẽ gửi thông báo lệnh khởi công dự án</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: trong vòng 112 ngày từ ngày hiệu lực hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 03 ngày làm việc từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 05 (năm) ngày trước ngày khởi công.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật thương thảo với Nhà thầu trúng thầu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: trao đổi khi thương thảo với Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng trong từng trường hợp cụ thể
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị: Chi tiết theo HSMT và HSĐT.
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định.

<b>E-ĐKC 42.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm ứng: Theo điều khoản hợp đồng.</li> <li>- Thời gian tạm ứng: Theo điều khoản hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>Phương thức thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 60 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu theo quy định.</p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán từng đợt theo quy định tại biểu mẫu hợp đồng.</p> <p><b>Hồ sơ thanh toán:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng quyết toán kinh phí Công trình;</li> <li>- Công văn đề nghị quyết toán;</li> <li>- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện Nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng);</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng vật tư thực tế đưa vào sử dụng có xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư và Đại diện Nhà thầu;</li> <li>- Bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu;</li> <li>- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong Hợp Đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư và Đại diện Nhà thầu;</li> <li>- Hồ sơ hoàn công của các công việc được nghiệm thu, nhật ký thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Hồ sơ quyết toán, quyết định phê duyệt quyết toán của các cấp thẩm quyền.</li> <li>- Hợp Đồng và phụ lục Hợp Đồng (nếu có);</li> <li>- Bảo lãnh bảo hành công trình (5%) giá trị quyết toán (đối với thanh toán cuối cùng);</li> </ul> <p>Các tài liệu khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu cần).</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p><b>Điều chỉnh thuế:</b> được phép áp dụng điều chỉnh thuế.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: Theo điều khoản hợp đồng.
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo hợp đồng.
<b>E-ĐKC 47.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu _____ % [nếu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%] giá trị giảm giá hợp đồng: Không áp dụng.</p>

<b>E-ĐKC 49.1</b>	Mức phạt: Theo điều khoản hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Theo điều khoản hợp đồng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: không áp dụng
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Chủ đầu tư tiếp nhận công trường và công trình kể từ ngày nghiệm thu công trình.
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 15 ngày kể từ ngày Đại diện các bên ký biên bản nghiệm thu.
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: Theo điều khoản hợp đồng
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

## **Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: \_\_\_\_-FTELHCM/PMB-NT-2025

GÓI THẦU:

DỰ ÁN:

GIỮA  
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

VÀ

<TÊN NHÀ THẦU>

## MỤC LỤC

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

ĐIỀU 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

ĐIỀU 3. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG

ĐIỀU 4. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 5. NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

ĐIỀU 6. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

ĐIỀU 7. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 8. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

ĐIỀU 9. ĐIỀU CHỈNH GIÁ HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA BÊN B

ĐIỀU 12. CAM KẾT CỦA BÊN B

ĐIỀU 13. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

ĐIỀU 14. ĐIỆN, NƯỚC VÀ AN NINH CÔNG TRƯỜNG

ĐIỀU 15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG, PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

ĐIỀU 16. BẢO HIỂM VÀ BẢO HÀNH

ĐIỀU 17. RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

ĐIỀU 18. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các Luật sửa đổi bổ sung Luật Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng trong hoạt động xây dựng được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 35/2023/NĐ-CP và Nghị định 50/2021/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 35/2023/NĐ-CP và Nghị định 175/2024/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-FTEL-FPD MN ngày.....của Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu “.....”;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng xây lắp ngày .... / .... / 20....

**PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ..... , tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

**BÊN A** : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**  
Địa chỉ : Lô 37-39A, Đường 19, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM  
Điện thoại : 028 73002222  
Tài khoản số : 1025307542 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Sài Gòn  
Mã số thuế : 0101778163-001  
Đại diện : **Bà HOÀNG THANH PHƯƠNG** Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

VÀ

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

**BÊN B** : ...  
Địa chỉ : .....  
Điện thoại : .....  
Tài khoản số : .....  
Mã số thuế : .....  
Đại diện : Ông/bà Chức vụ: .....

Hai Bên cùng thống nhất ký Hợp Đồng thi công xây dựng công trình “.....” (sau đây gọi tắt là "**Hợp Đồng**") như sau:

## ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

- 1.1. “**Chủ đầu tư**”, “**Bên giao thầu**”, “**Bên A**” là Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
- 1.2. “**Nhà thầu**”, “**Bên nhận thầu**”, “**Bên B**” là .....
- 1.3. “**Đại diện Bên A**” là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho chủ đầu tư.
- 1.4. “**Đại diện Bên B**” là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt nhà thầu.
- 1.5. “**Nhà thầu phụ**” là nhà thầu ký Hợp Đồng với nhà thầu để thi công một phần công việc của nhà thầu.
- 1.6. “**Dự án**” là dự án “.....”.
- 1.7. “**Hợp Đồng**” là Hợp đồng thi công Công trình: “.....” thuộc Dự án: “.....” này được ký kết giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và .....
- 1.8. “**Chỉ dẫn kỹ thuật**” là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho Công trình, thiết kế xây dựng Công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho Công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu Công trình xây dựng.
- 1.9. “**Bản vẽ thiết kế**” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của Công trình do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu hoặc do nhà thầu lập đã được chủ đầu tư chấp thuận.
- 1.10. “**Bảng tiên lượng**” là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong Hợp Đồng.
- 1.11. “**Bên**”, “**Mỗi Bên**”, “**Một Bên**” là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh diễn đạt.
- 1.12. “**Các Bên**” là Bên A và Bên B.
- 1.13. “**Ngày khởi công**” là ngày được thông báo theo Khoản 7.1 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp Đồng].
- 1.14. “**Biên bản nghiệm thu**” là biên bản được phát hành theo Điều 6 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp Đồng thi công xây dựng].
- 1.15. “**Ngày làm việc**” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
- 1.16. “**Thiết bị của nhà thầu**” là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để nhà thầu thi công, hoàn thành Công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).
- 1.17. “**Công trình**” là công trình: “.....” thuộc Dự án: “.....” do Bên B thực hiện thi công theo các yêu cầu và quy định tại Hợp Đồng này.
- 1.18. “**Pháp luật**” hoặc “**Pháp Luật Việt Nam**” có nghĩa là tất cả các hiệp định, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, qui định, quyết định, thông tư, hướng dẫn, qui tắc, chỉ thị, nghị quyết đã được ban hành và công khai, và tất cả các văn bản pháp luật khác hoặc bất kỳ sự giải thích nào đối với bất kỳ văn bản nào nêu trên, có giá trị pháp lý và được bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào ban hành hoặc chấp thuận;
- 1.19. “**Công trường**” là địa điểm chủ đầu tư giao cho nhà thầu để thi công Công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp Đồng.
- 1.20. “**Thời gian thi công, lắp đặt**” là khoảng thời gian tính từ ngày bắt đầu thi công lắp đặt đến ngày hoàn thiện Công trình.

- 1.21. “Thay đổi” là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá Hợp Đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.

## **ĐIỀU 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN**

- 2.1. Hồ sơ Hợp Đồng gồm thỏa thuận Hợp Đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp Đồng.
- 2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp Đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng, bao gồm:
- Biên bản đàm phán Hợp Đồng, các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng.
  - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
  - Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ của Bên A.
  - Bảng chào giá của Bên B.
  - Các phụ lục của Hợp Đồng.
  - Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật.
  - Các tài liệu khác có liên quan.
- 2.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp Đồng theo thứ tự quy định tại Điều 2.2.

## **ĐIỀU 3. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG**

- 3.1. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho Hợp Đồng là tiếng Việt.

## **ĐIỀU 4. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, BẢO LÃNH TẠM ỨNG**

### **4.1. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:**

- Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng tương đương 05% (năm phần trăm) giá trị Hợp Đồng cho Bên A trong vòng 10 ngày sau khi Hợp Đồng đã được ký kết. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng phải được Bên A chấp thuận và phải tuân theo mẫu được Bên A chấp thuận. Trong mọi trường hợp, Bên B phải luôn duy trì giá trị của chứng thư bảo lãnh tương đương 05% (năm phần trăm) giá trị Hợp Đồng trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng.
- Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, được phát hành bởi một Ngân hàng uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên B đã thi công, hoàn thành Công trình, hoặc hạng mục Công trình tương ứng với Hợp Đồng đã ký kết được Bên A nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành Công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện Hợp Đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp Đồng vào thời điểm 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện Hợp Đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. Trường hợp Bên B không thực hiện gia hạn trước 15 (mười lăm) ngày hết hạn, thì Bên A có quyền yêu cầu đơn vị phát hành thư bảo lãnh chuyển toàn bộ số tiền cho Bên A.
- Nhà thầu phải đảm bảo với Chủ đầu tư rằng bảo đảm thực hiện Hợp đồng do Nhà thầu cung cấp đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật để chứng thư có hiệu lực. Tất cả những chi phí phát sinh khi mở bảo đảm thực hiện Hợp Đồng do Nhà thầu chịu và Nhà thầu phải đảm bảo Chủ đầu tư không phải trả những chi phí này.
- Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện Hợp Đồng trong các trường hợp sau: (i) Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung và khối lượng công việc

theo thời gian được quy định tại Hợp Đồng này, (ii) Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định tại Hợp Đồng này, (iii) đơn phương chấm dứt Hợp Đồng không theo các quy định tại Hợp Đồng này, (iv) bất cứ trường hợp nào mà Bên A chấm dứt Hợp đồng do vi phạm của Bên B. Bên A có quyền yêu cầu đơn vị phát hành thư bảo lãnh chuyển toàn bộ số tiền bảo đảm cho Bên A.

- e) Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện Hợp Đồng sau khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo Hợp Đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

4.2. **Bảo lãnh tiền tạm ứng:**

Không áp dụng.

**ĐIỀU 5. NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**

- 5.1. Bên B phải thực hiện việc thi công xây dựng Công trình “.....” theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật của Bên A, đúng Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu đã được duyệt, bảo đảm sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo theo tiêu chuẩn của xây dựng Việt Nam và các quy định hiện hành về PCCN. Bên B phải thực hiện các thủ tục để xin phép thi công xây dựng công trình.
- 5.2. Bên B thực hiện việc thi công xây dựng Công trình tuân thủ quy định kỹ thuật tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 32:2020/BTTTT về Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9:2016/BTTTT về tiếp đất cho các trạm viễn thông, TCVN 8700:2011 về Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông, TCVN 8699:2011 Mạng Viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm – Yêu cầu kỹ thuật; TCVN 7305:2008 – ISO 4427:2007 Hệ thống ống nhựa - Ống Polyetylen (PE) và phụ tùng; TCVN-5847:2016 Cột bê tông cốt thép ly tâm – Kết cấu và kích thước; QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong Hợp Đồng.
- 5.3. Tuân thủ đúng các qui định hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này.

**ĐIỀU 6. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH**

**6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm thi công:**

- a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế số: 18-2024/BCKTKT/TK-MN (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được của Bên A; quy định kỹ thuật tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 32:2020/BTTTT về Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9:2016/BTTTT về tiếp đất cho các trạm viễn thông, TCVN 8700:2011 về Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông, TCVN 8699:2011 Mạng Viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm – Yêu cầu kỹ thuật; TCVN 7305:2008 – ISO 4427:2007 Hệ thống ống nhựa - Ống Polyetylen (PE) và phụ tùng; TCVN-5847:2016 Cột bê tông cốt thép ly tâm – Kết cấu và kích thước; QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng Công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; thực hiện đúng biện pháp thi công; biện pháp đảm bảo an toàn; đảm bảo sự bền vững chính xác của các kết cấu xây dựng và theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng quy định.
- b) Bên B đảm bảo các Công trình thi công theo đúng kỹ thuật xây dựng cơ bản, phù hợp với tiêu chuẩn của ngành. Chất lượng và các yêu cầu công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được các yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bên A và phải tuân thủ theo các

quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên Ngành Bưu chính - Viễn thông và các quy trình kỹ thuật được Bên A phê duyệt. Tuyệt đối tuân thủ theo quy định, hướng dẫn về khảo sát - thi công mạng ngoại vi của Bên A đã ban hành.

- c) Đối với hạng mục thi công hàn nối: Suy hao các mối hàn không vượt quá 0,12dB; suy hao trung bình toàn tuyến 2 chiều trên mỗi tuyến cáp (Span) với tất cả các core cáp đều < 0,21 dB/km;
- Trong trường hợp đặc biệt, chỉ chấp nhận một số mối hàn có suy hao > 0,12 dB nhưng phải đảm bảo các điều kiện sau:
    - + Nhà thầu đã tiến hành sửa chữa, khắc phục hàn lại các mối này tối thiểu 03 lần, có xác nhận của cán bộ giám sát Chủ đầu tư,
    - + Suy hao mỗi hàn không vượt quá 0,25dB,
    - + Số mối hàn có suy hao từ 0,12dB ÷ 0,25dB không vượt quá 05% tổng số mối hàn trong tuyến cáp (span) đó.
- d) Đối với hạng mục thi công trồng cột: Phải đảm bảo theo đúng kỹ thuật xây dựng cơ bản, phù hợp với tiêu chuẩn ngành Viễn thông và của Bên A quy định.
- e) Đối với hạng mục thi công đào rãnh, khoan ngầm và xây dựng hầm cáp: Bên B phải thi công theo hồ sơ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung, phát sinh được Bên A chấp thuận), phải đảm bảo phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan, các tiêu chuẩn quy định của ngành Viễn thông, Điện Lực và của Bên A quy định.
- 6.2.** Bên B phải cung cấp cho Bên A (khi Bên A yêu cầu), các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.
- 6.3.** Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu và Hợp Đồng.
- a) Vật tư Bên B cung cấp phải đúng theo quy định theo hồ sơ thiết kế số hiệu: ..... được duyệt của Bên A, HSMT, HSDT được duyệt và phải cung cấp đủ số lượng theo hồ sơ thiết kế trong không quá 03 (ba) đợt, đồng thời đảm bảo tiến độ Công trình được thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp Đồng này;
- b) Đối với các vật tư phát sinh hoặc thay đổi, căn cứ vào các biên bản phát sinh hoặc thay đổi vật tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Các Bên sẽ tự cung cấp vật tư cho Công trình theo qui ước tại Điều này;
- c) Vật tư cung cấp phải đạt chỉ tiêu về thông số kỹ thuật về chất lượng được qui định theo hồ sơ thiết kế số hiệu: ..... được duyệt của Bên A, Hồ sơ yêu cầu được duyệt và cam kết tại Hồ sơ đề xuất, riêng đối với các sản phẩm chuyên ngành Bưu chính - Viễn thông còn phải phù hợp với các qui định hiện hành về quản lý chất lượng của ngành Bưu chính - Viễn thông;
- d) Ngoài ra, các vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp không được thay đổi trong suốt quá trình thi công nếu chưa được sự chấp thuận của Bên A.
- e) Bên B phải chịu mọi trách nhiệm trước Bên A, bên thứ ba [nếu có] và Pháp luật do tự ý đưa vào thi công Công trình các loại vật tư không đúng yêu cầu như quy định tại Điều này (bao gồm trách nhiệm do vi phạm Hợp Đồng và đền bù mọi thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba [nếu có]).
- 6.4. Kiểm tra, giám sát của Bên A:**
- a) Bên A và Đại diện Bên A được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khác của Bên B để kiểm tra;

- b) Trong quá trình thi công ở công trường, nơi được quy định trong Hợp Đồng, Bên A và Đại diện Bên A được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình thi công, xây dựng tại Công trình.
- c) Bên B sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Bên A và Đại diện Bên A để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của nhà thầu.
- d) Đối với các công việc mà người của Bên A được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên B phải thông báo cho Bên A biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Bên A sẽ tiến hành việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ, hoặc thông báo ngay cho Bên B là Bên A không yêu cầu kiểm tra. Trong trường hợp quá 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B nhưng Bên A không phản hồi thì được xem là Bên A không yêu cầu kiểm tra.

#### **6.5. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:**

- a) Việc nghiệm thu Công trình được tiến hành theo trình tự quy định và tuân theo các quy định về quản lý chất lượng Công trình. Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng hạng mục Công trình hoặc toàn bộ Công trình xây dựng. Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp Đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại **Điều 6.1** [*Yêu cầu về chất lượng sản phẩm thi công*], khối lượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.
- b) Sau khi từng hạng mục Công trình hoặc toàn bộ Công trình hoàn tất, Bên B có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công và các hồ sơ khác theo yêu cầu của Bên A gửi Bên A kiểm tra và tổ chức nghiệm thu bàn giao.
- c) Các Bên vẫn có thể tiến hành nghiệm thu các hạng mục chưa hoàn thiện do thỏa thuận hoặc do chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn.
- d) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp Đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...
- e) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm: Đại diện Bên A, Đại diện Bên B, đại diện Nhà tư vấn, đại diện đơn vị khai thác sử dụng (nếu có).
- f) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:
  - Báo cáo hoàn công Công trình;
  - Bảng quyết toán vật tư, nhân công Công trình;
  - Biên bản nghiệm thu kỹ thuật, khối lượng;
  - Các Biên bản trong quá trình thi công gồm: biên bản bàn giao vật tư, biên bản bàn giao mặt bằng thi công, biên bản ghi nhận hiện trường, biên bản xác nhận khối lượng phát sinh, biên bản nghiệm thu kỹ thuật nội bộ, biên bản bàn giao đưa vào sử dụng và các biên bản khác;
  - Kết quả đo thử sợi quang;
  - Bản vẽ hoàn công;
  - Nhật ký thi công.

#### **6.6. Nghiệm thu, bàn giao Công trình và các hạng mục Công trình:**

- a) Sau khi các công việc theo Hợp Đồng được hoàn thành, Công trình chạy thử (nếu có) đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì Công trình xây dựng, yêu cầu của Hợp Đồng thì Bên B và Bên A tiến hành nghiệm thu Công trình.

- b) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày giám sát bên A xác nhận Bên B đã hoàn thành tất cả các hạng mục công việc thuộc phạm vi Hợp Đồng (kể cả các phần việc phát sinh nếu có), Bên B có nghĩa vụ gửi 04 (bốn) bộ hồ sơ nghiệm thu bàn giao cho Bên A.
- c) Sau khi Bên A kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu, Bên B có nghĩa vụ phối hợp với Bên A tổ chức nghiệm thu Công trình.
- d) Sau khi Công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao Công trình hoàn thành theo Hợp Đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng Công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao Công trình và Bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình trong khoảng thời hạn cụ thể theo yêu cầu của Bên A.
- e) Trường hợp Công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Bên B phải làm để hoàn thành Công trình. Bên A sẽ quyết định thời hạn hợp lý để Bên B hoàn thiện các công việc này.

#### **6.7. Trách nhiệm của nhà thầu đối với các sai sót**

- a) Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày mà Bên A yêu cầu.
- b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:
  - Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong vòng 04 (bốn) ngày kể từ ngày Bên A hoặc Đại diện Bên A gửi thông báo, Bên A hoặc Đại diện của Bên A có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Bên B biết về ngày này.
  - Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên A (tùy theo lựa chọn) có thể: Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí (Bên B không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Bên A). Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với Công trình theo Hợp Đồng.
- c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên A không sử dụng được Công trình hay phần lớn Công trình hoặc Bên A bị mất một phần hoặc toàn bộ lợi ích từ Công trình thì Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho Bên A.
- d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Bên A đồng ý, Bên B có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

#### **6.8. Các kiểm định thêm:**

- a) Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của Công trình, Bên A có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp Đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 (ba mươi) ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.
- b) Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Bên B.

#### **6.9. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành:**

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp Đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

**6.10. Chạy thử của công trình** (nếu có): thực hiện theo yêu cầu cụ thể của Bên A tại từng thời điểm. Bên B phải tự chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Công trình trong tất cả các lần chạy thử với chi phí của Bên B.

- a) Khoản này sẽ được áp dụng cho tất cả các lần chạy thử được Bên A yêu cầu, bao gồm cả chạy thử sau khi hoàn thành.
- b) Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Bên B phải trình Bên A các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa.
- c) Bên B phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Bên B phải thống nhất với Bên A về thời gian, địa điểm tiến hành chạy của thiết bị, vật liệu và các hạng mục Công trình.
- d) Bên B phải thông báo trước 05 (năm) ngày cho Bên A về các lần chạy thử. Việc chạy thử chỉ có thể tiến hành với sự có mặt của Bên A, trừ khi có sự chỉ dẫn khác bằng văn bản từ phía Bên A.
- e) Bên B phải trình cho Bên A các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử. Khi các lần chạy thử cụ thể đã được tiến hành xong và đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn về chất lượng, vận hành, Bên A sẽ chấp thuận biên bản chạy thử của Bên B.

**6.11. Điều kiện để bàn giao Công trình đưa vào sử dụng:**

- a) Công trình sẽ được bàn giao sau khi Các Bên hoàn thành việc nghiệm thu và đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao Công trình theo quy định của Hợp Đồng này và các quy định của pháp luật;
- b) Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa Công trình vào sử dụng.

**6.12. Vật tư, thiết bị ("VTTB") do Bên B cung cấp:**

- a) Ngay khi ký kết Hợp Đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A hồ sơ VTTB như sau:
  - Bảng đăng ký chủng loại vật tư thiết bị do Bên B cung cấp trong đó thể hiện đầy đủ các nội dung Nhà sản xuất/Nước sản xuất.
  - Bảng tóm tắt các thông số kỹ thuật và biên bản thử nghiệm điển hình cho từng chủng loại VTTB do Bên B cung cấp đáp ứng các quy chuẩn hiện hành khi bên A yêu cầu.
  - Tất cả các VTTB Bên B cung cấp phải theo đúng chủng loại, xuất xứ nêu trong hồ sơ dự thầu (hoặc hồ sơ đề xuất), đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế, cung cấp đầy đủ số lượng, chủng loại vật tư và mới 100% đối với những vật tư do Bên B cung cấp.
  - Ngoài ra, các VTTB Bên B cung cấp không được thay đổi trong suốt quá trình thi công nếu chưa được sự chấp thuận của Bên A.
- b) Vật tư Bên B cung cấp không quá 03 đợt, đảm bảo tiến độ Công trình được thỏa thuận tại ĐIỀU 7 của Hợp đồng này;
- c) Đối với các vật tư phát sinh hoặc thay đổi, căn cứ vào các biên bản phát sinh hoặc thay đổi vật tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Các Bên sẽ tự cung cấp vật tư cho Công trình theo qui ước tại Điều này;
- d) Vật tư cung cấp phải đạt chỉ tiêu về thông số kỹ thuật về chất lượng được qui định theo Hồ sơ mời thầu được duyệt và cam kết tại Hồ sơ dự thầu, Riêng đối với các sản phẩm chuyên ngành Bru chính - Viễn thông còn phải phù hợp với các qui định hiện hành về quản lý chất lượng của ngành Bru chính - Viễn thông;
- e) Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư, bên thứ ba [nếu có] và Pháp luật do tự ý đưa vào thi công Công trình các loại vật tư không đúng yêu cầu như quy định

tại Điều này (bao gồm trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng và đền bù mọi thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ ba [nếu có]).

- 6.13. Yêu cầu đối với hồ sơ, biểu mẫu nghiệm thu, thanh quyết toán: thực hiện theo quy định của Bên A.

## **ĐIỀU 7. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

### **7.1. Thời gian thực hiện Hợp Đồng:**

- a) Bên B sẽ hoàn thiện các thủ tục xin phép và thủ tục nhận bàn giao mặt bằng thi công hè, đường với các đơn vị chủ quản, thủ tục xin phép kéo cáp trên cột điện lực (Điện lực các cấp; Cơ quan quản lý đường bộ/Sở Giao thông vận tải/Cơ quan quản lý cầu/Nhà dân,...) chậm nhất .... (.....) ngày kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực.
- b) Bên B sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng Công trình ngay sau ngày khởi công và sẽ thực hiện thi công xây dựng tất cả các hạng mục công trình: chậm nhất .... (.....) ngày kể từ ngày khởi công.
- c) Thời gian thực hiện Hợp Đồng: Bên B phải hoàn thành thủ tục xin phép, nhận bàn giao mặt bằng thi công cầu, hè, đường, cột điện với các đơn vị chủ quản (điểm a nêu trên) và tiến hành thi công xây dựng tất cả các hạng mục công trình (điểm b nêu trên) theo quy định của Hợp Đồng trong vòng ..... (.....) ngày kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực (bao gồm ngày thứ 7, chủ nhật; không bao gồm các ngày nghỉ lễ theo qui định Nhà nước). Thời gian thực hiện Hợp đồng không kể các nguyên nhân khách quan, các sự kiện bất khả kháng theo quy định **Điều 17**[*Rủi ro và bất khả kháng*] Hợp Đồng này.
- d) Ngày khởi công được xác định là ngày ghi trong Lệnh khởi công do Bên A gửi cho Bên B.

### **7.2. Tiến độ thực hiện Hợp Đồng:**

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp Đồng Bên B phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Bên A trong vòng 03 (ba) ngày trước ngày khởi công. Tiến độ thi công phải được Bên A chấp nhận. Bên B cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Bên B. Trừ khi được quy định khác trong Hợp Đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

- a) Trình tự thực hiện công việc của Bên B và thời gian thi công Công trình;
- b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;
- c) Báo cáo tiến độ Bên B phải thể hiện:
  - Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công Công trình;
  - Bên B được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp Đồng.
  - Bên B phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp Đồng thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 01 (một) ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Bên B. Bên A sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Bên B thực hiện theo tiến độ của Hợp Đồng.
  - Bên B phải thông báo cho Bên A về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công Công trình hay làm tăng giá Hợp Đồng. Trong trường hợp đó, Bên A hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Bên B báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo **Điều 7.3**[*Gia hạn thời gian hoàn thành*]. Bên B phải nộp cho Bên A một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với quy định này.
  - Các yêu cầu khác của Bên A (nếu có).

**7.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành:**

Trong thời gian thi công nêu trên nếu có xảy ra sự kiện Bất khả kháng quy định tại **Điều 17**[*Rủi ro và bất khả kháng*] của Hợp Đồng này mà gây gián đoạn công việc của Bên B thì khoảng thời gian này không được tính vào thời gian thi công, lắp đặt và Bên B được phép gia hạn thời gian hoàn thành Công trình. Khi đó Bên A yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện hoàn thành trong thời gian hợp lý để Bên A phê duyệt.

**7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ:**

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong Hợp Đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu tại **Điều 7.3**[*Gia hạn thời gian hoàn thành*] thì khi đó Bên A yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Khi tiến độ thực hiện bị chậm so với quy định tại **Điều 7.1**[*Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp Đồng*] hoặc khối lượng công việc phát sinh mà không do lỗi của Bên B thì Bên B phải thông báo bằng văn bản tới Bên A trong vòng 05 (ngày) kể từ ngày phát sinh nguyên nhân dẫn tới việc chậm tiến độ hoặc phát sinh khối lượng công việc;

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ thông báo trên thì Bên B sẽ không được phép kéo dài thời gian thực hiện cũng như thanh toán các khối lượng công việc phát sinh.

**ĐIỀU 8. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN****8.1. Giá Hợp Đồng:**

a) Tổng giá trị Hợp Đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%): ..... VNĐ.

(*Bằng chữ:* ..... đồng)

Trong đó: + Thuế VAT 8%: ..... VNĐ

- Giá trị thanh toán của Hợp Đồng được căn cứ vào thực tế triển khai và kết quả hoàn công, giá trị quyết toán Công trình dựa theo khối lượng thi công thực tế tại hiện trường được Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu sẽ quyết định mức thanh toán thực tế.

b) Loại Hợp Đồng: Hợp Đồng theo đơn giá cố định.

c) Chi tiết giá Hợp Đồng và đơn giá được quy định tại **Phụ lục 1** kèm theo Hợp Đồng này. Giá trị Hợp Đồng và đơn giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp Đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật, các chi phí vật tư, nhân công, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công việc, chi phí điều hành quản lý, giám sát thi công, chi phí bảo hiểm, tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật, chi phí ngoại giao cơ quan ban ngành và các chi phí khác như: chi phí xin phép, chi phí để Bên A đưa Công trình đi vào sử dụng (bao gồm cả thời gian bảo hành)... để Bên B hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A, cũng như để sửa chữa, khắc phục các sai sót, hư hỏng và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này.

Thuế giá trị gia tăng có thể điều chỉnh theo chính sách của Nhà nước tại thời điểm các Bên ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao Công trình đến trước thời điểm Bên A nhận được hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ của Bên B.

d) Giá trị Hợp Đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại **Điều 9**[*Điều chỉnh giá Hợp Đồng*].

**8.2. Thanh toán:**

Thời gian thanh toán: việc thanh toán được thực hiện 01 (một) lần:

- Sau khi Công trình hoàn thành nghiệm thu, Bên A thanh toán đến 100% giá trị quyết toán Hợp đồng, khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình của các cấp thẩm

quyền và sau khi Bên A nhận được bảo lãnh bảo hành giá trị 05% của giá trị quyết toán Công trình của bên B.

Giá trị quyết toán: là giá trị được tính theo đơn giá trong Hợp Đồng nhân với khối lượng thực tế hoàn thành được các bên liên quan ký xác nhận sau khi trừ giá trị giảm giá và các khoản chi phí phát sinh (nếu có).

### 8.3. Thời hạn thanh toán:

- a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 60 (sáu mươi) ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B theo quy định tại **Điều 8.6 [Hồ sơ thanh toán]**.
- b) Đối với từng đợt thanh toán, Nhà thầu đồng ý rằng, Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT hoặc Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT đều có thể thay mặt Chủ đầu tư thực hiện thanh toán cho Nhà thầu, tùy theo nhu cầu thực tế của Chủ đầu tư tại từng thời điểm.
- c) Bên A chậm thanh toán quá 60 (sáu mươi) ngày sau thời hạn theo quy định tại Điểm a nêu trên thì phải thanh toán cho Bên B lãi chậm trả bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp trên phần chưa thanh toán kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên A đã thanh toán đầy đủ cho Bên B.

### 8.4. Thanh toán tiền bị giữ lại:

Không áp dụng.

### 8.5. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

- a) Đồng tiền thanh toán: bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ)
- b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

### 8.6. Hồ sơ thanh toán:

- Bảng quyết toán kinh phí Công trình;
- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Giấy xác nhận số tài khoản của Bên B trong Hợp Đồng đã đăng ký với cơ quan thuế;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng vật tư thực tế đưa vào sử dụng có xác nhận của Đại diện Bên A và Đại diện Bên B;
- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong Hợp Đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của Đại diện Bên A và Đại diện Bên B;
- Hợp Đồng và phụ lục Hợp Đồng;
- Chứng thư bảo lãnh bảo hành với giá trị 5% giá trị quyết toán;
- Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A (nếu cần).

Đề nghị thanh toán của Bên B cần thể hiện các nội dung: (i) giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp Đồng, (ii) giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), (iii) giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của Đại diện Bên A và Đại diện Bên B.

### 8.7. Bên A sẽ không thanh toán cho Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm các điều khoản sau:

- a) Bên B không đảm bảo chất lượng công trình, các yêu cầu, thông số kỹ thuật, mỹ thuật theo quy định của Hợp Đồng và các yêu cầu do Bên A đưa ra.
- b) Bên B thi công không đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.
- c) Bên B không thực hiện đầy đủ hồ sơ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán, hồ sơ hoàn công.

- d) Bên B không thực hiện hoàn tất thủ tục bàn giao, hoàn trả mặt bằng sau tái lập với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa bàn thi công theo đúng quy định.
- e) Công trình không được bàn giao cho Bên A hoặc Bên A không thể đưa Công trình vào sử dụng.
- f) Bên B vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục vi phạm trong thời gian mà Bên A yêu cầu.
- g) Bất kỳ phát sinh tăng nào không được Bên A phê duyệt.

## **ĐIỀU 9. ĐIỀU CHỈNH GIÁ HỢP ĐỒNG**

- 9.1. Việc điều chỉnh giá Hợp Đồng thực hiện theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
- 9.2. Giá trị phát sinh được tính như sau:
  - a) Trường hợp có phát sinh những thay đổi hợp lý khối lượng công việc khác với Hợp Đồng đã ký (đối với Hợp Đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, quy định của Hợp Đồng và Phụ lục 01 đính kèm) thì Bên A và Bên B cùng xác định khối lượng công việc thay đổi hoặc phát sinh.
  - b) Đối với các khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc Hợp Đồng mà trong Hợp Đồng đã có đơn giá thì áp dụng đơn giá trong Hợp Đồng. Đơn giá đã được thống nhất tại Phụ lục 01 là đơn giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn theo thỏa thuận của Hợp Đồng.
  - c) Đối với khối lượng công việc phát sinh tăng do lỗi chủ quan của Bên B gây ra, Bên B phải tự chịu toàn bộ trách nhiệm và chi phí phát sinh. Đồng thời Bên B phải tuyệt đối tuân thủ yêu cầu của Bên A trong việc thực hiện các khối lượng phát sinh này.
  - d) Đối với những khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong Hợp Đồng thì đơn giá áp dụng cho những khối lượng công việc phát sinh này sẽ được Các Bên thương lượng thỏa thuận, đơn giá cuối cùng do người có thẩm quyền của Bên A quyết định. Trong trường hợp này, các Bên tiến hành ký ký biên bản bổ sung khối lượng để làm cơ sở thực hiện và thanh quyết toán Công trình
  - e) Trên cơ sở các quy định tại Điều 9.2 này, đối với khối lượng công việc phát sinh, các Bên tiến hành ký kết phụ lục Hợp Đồng.
  - f) Giá trị của Hợp Đồng trong trường hợp điều chỉnh được căn cứ vào thực tế triển khai và kết quả hoàn công sẽ quyết định mức thanh toán thực tế, cụ thể theo quy định tại **Điều 8 [Giá Hợp Đồng và thanh toán]** của Hợp Đồng này.
  - g) Trên cơ sở các quy định tại Điều 9 này, đối với khối lượng công việc phát sinh, Các Bên tiến hành ký kết phụ lục Hợp Đồng để làm cơ sở triển khai thực hiện và thanh toán.

## **ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- 10.1. Cử cán bộ giám sát kỹ thuật trong toàn bộ quá trình thi công và thường xuyên phối hợp với Bên B giải quyết những trở ngại phát sinh trong quá trình khảo sát/thi công. Cán bộ giám sát có trách nhiệm xác nhận khối lượng công việc phát sinh làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh quyết toán.
- 10.2. Bên A không chịu bất cứ trách nhiệm gì liên quan đến quản lý, bảo vệ Công trình và tổ chức thi công sau khi đã bàn giao mặt bằng thi công cho tới khi Bên B bàn giao Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng cho Bên A.
- 10.3. Bên A không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với nhân công của Bên B.
- 10.4. Trường hợp phát hiện Bên B thi công không đúng yêu cầu kỹ thuật, hoặc không sử dụng vật tư do Bên A cấp hoặc cung cấp vật tư không đúng yêu cầu, Bên A có quyền yêu cầu

- Bên B làm lại và/hoặc cung cấp lại và/hoặc yêu cầu đình chỉ thi công, đồng thời Bên B sẽ chịu hoàn toàn mọi chi phí phát sinh.
- 10.5. Có quyền từ chối thanh toán giá trị khối lượng không bảo đảm chất lượng hoặc khối lượng phát sinh không hợp lý cho Bên B, Bên A không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại do lỗi của Bên B gây ra.
  - 10.6. Có quyền không ký xác nhận hoặc nghiệm thu Công trình nếu không đạt yêu cầu kỹ thuật hoặc không đúng thiết kế đã giao.
  - 10.7. Bên A toàn quyền sử dụng hạ tầng của Công trình để kéo cáp hoặc đồng ý cho các đơn vị khác kéo cáp theo nhu cầu sử dụng ngay sau khi biên bản nghiệm thu Kỹ thuật – Khối lượng được ký kết giữa Bên A và Bên B;
  - 10.8. Có quyền đình chỉ thi công nếu Bên B thi công không đúng thiết kế, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, cung cấp không đúng, không đảm bảo chất lượng thiết bị, vật tư, nhân lực theo đúng yêu cầu tại Hồ sơ mời thầu, cam kết đáp ứng của Bên B tại Hồ sơ dự thầu được phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu thi công theo quy định tại Hợp Đồng này. Thời gian đình chỉ công vẫn sẽ được tính vào tiến độ công trình;
  - 10.9. Có quyền đề nghị thay đổi nhân sự của Bên B nếu nhân sự đó không đáp ứng được yêu cầu của công việc như: làm chậm tiến độ, quản lý yếu kém, không hợp tác, không có khả năng giải quyết các vấn đề sự cố, không đáp ứng các yêu cầu công việc đã thống nhất trong các biên bản họp. Trong trường hợp đương sự vi phạm nội quy Công trường, nội quy an toàn (có biên bản xác nhận của Bên A và TVGS), Bên A có quyền buộc đương sự rời khỏi Công trường ngay lập tức;
  - 10.10. Xác nhận khối lượng công tác phát sinh để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán, Bên A xét thấy công trình không đạt yêu cầu, được quyền không ký vào biên bản nghiệm thu hoặc chưa nhận bàn giao
  - 10.11. Có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu và thẩm định hồ sơ hoàn công trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn công hợp lệ của Bên B.
  - 10.12. Chỉ định đại diện thay mặt mình để giải quyết công việc có liên quan tới việc thực hiện Hợp Đồng.
  - 10.13. Giám sát hoạt động thi công của Bên B trong suốt thời gian thi công.
  - 10.14. Yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự Công trình nếu Bên A nhận thấy nhân sự đó không đủ tiêu chuẩn, năng lực thực hiện công việc hoặc vi phạm, sai sót trong quá trình thực hiện công việc.
  - 10.15. Thanh toán cho Bên B các khoản chi phí thi công đúng hạn theo qui định của Hợp Đồng này.
  - 10.16. Cung cấp tài liệu đầy đủ, đúng hạn và đưa ra quyết định kịp thời khi có yêu cầu của Bên B.

#### **ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- 11.1. Bên B có nghĩa vụ xin phép các cấp đơn vị chủ quản hạ tầng và các hộ dân trong khu vực thi công (nếu cần) để được cấp phép, đồng ý cho thi công. Bao gồm nhưng không giới hạn các công việc trách nhiệm như sau:
  - a) Trước khi thi công:
 

Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực, bằng kinh phí của mình, Bên B có nghĩa vụ thông qua Bên A kế hoạch xin phép các đơn vị chủ quản hạ tầng/người dân để được chấp thuận thực hiện:

    - Bên B chủ động liên hệ với các cấp đơn vị chủ quản hạ tầng/người dân để: thỏa thuận, đàm phán sao cho được thi công công trình (treo cáp trên cột điện lực, đào đường, khoan ngầm, xây hầm cáp, trồng cột,...) nhưng không làm phát sinh chi phí thuê hạ tầng cho Bên A; Không bị phạt/khởi kiện/buộc tháo dỡ hạ tầng hiện hữu/đang thi công;

- Việc thỏa thuận, đàm phán xin phép thi công đảm bảo: thi công thuận lợi, đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, không phát sinh chi phí cho Bên A. Tất cả mọi phương án, đề xuất, thỏa thuận, ... của Bên B phải trình Bên A duyệt trước khi tiếp xúc và làm việc với đơn vị chủ quản hạ tầng.
  - b) Trong quá trình thi công và sau khi thi công:  
Bên B có trách nhiệm chi trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện các công việc trên (nếu có) trong suốt quá trình thi công và duy trì trách nhiệm này trong vòng 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình.
- 11.2. Thi công hạ tầng:
- a) Thi công đúng theo hồ sơ thiết kế số hiệu: ..... được duyệt của Bên A, quy trình quy phạm của ngành, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bên A, phù hợp và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng, đảm bảo mỹ quan tại Công trình và khu vực xung quanh Công trình. Trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ an toàn lao động, chịu trách nhiệm và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động, thiết bị và các phương tiện giao thông trong suốt thời gian thi công.
  - b) Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của Hợp Đồng và quy định của pháp luật có liên quan.
  - c) Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới Công trình.
  - d) Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bên A khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng Công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.
  - e) Báo cáo Bên A về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của Bên A.
  - f) Thi công đảm bảo tiến độ Công trình theo thời gian thống nhất trong Hợp Đồng hoặc theo biên bản làm việc giữa hai bên.
  - g) Phối hợp với Bên A trong quá trình nghiệm thu Công trình, sửa chữa các sai sót nếu có;
  - h) Quản lý công trình đã thi công cho đến khi nghiệm thu bàn giao công trình cho Bên A và chỉ Bên A được quyền sử dụng hạ tầng đó hoặc cho phép các đơn vị khác để kéo cáp. Đối với những trường hợp đơn vị ngoài Bên A tự ý kéo cáp vào hạ tầng kỹ thuật khi chưa có sự đồng ý của Bên A thì Bên B có trách nhiệm di dời toàn bộ phần cáp kéo của đơn vị khác mà chưa được sự đồng ý của Bên A trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm Bên A phát hiện và gửi thông báo cho Bên B.
  - i) Thi công đúng quy định Hợp Đồng, đúng quy trình quy phạm của ngành, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bên A, phù hợp và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng, đảm bảo mỹ quan tại Công trình và khu vực xung quanh Công trình. Trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ an toàn lao động, chịu trách nhiệm và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động, thiết bị và các phương tiện giao thông trong suốt thời gian thi công;
  - j) Khi tiến hành công tác thi công phải đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người, thiết bị và các phương tiện liên quan, chịu toàn bộ trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Tuân thủ nghiêm ngặt các qui phạm, qui định, tiêu chuẩn của ngành Điện Lực, Viễn Thông và các qui định khác của các Bộ, Ngành liên quan.
  - k) Khi từng hạng mục và Công trình hoàn thành Bên B gửi thông báo hoàn thành cho Bên A. Bên B phải bàn giao từng hạng mục và toàn bộ Công trình cho Bên A ngay khi hạng mục và toàn bộ Công trình được nghiệm thu;
  - l) Thực hiện tốt các nghĩa vụ, trách nhiệm trong suốt thời gian bảo hành. Có trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp để xảy ra hư hỏng đối với các vật tư, thiết bị đã nhận của Bên A. Nếu hư hỏng làm giảm độ bền và chất lượng truyền dẫn thì Bên B phải đền bù cho Bên A 100% giá trị của vật tư, thiết bị đó.
  - m) Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi Công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong Hợp Đồng có thỏa thuận khác.

- 11.3. Ngầm hóa: thực hiện đảm bảo chất lượng Công trình đúng kỹ thuật, các tuyến công bê thi công cho Bên A.
- 11.4. Bên B kết hợp với điện lực quận/huyện nơi tuyến cáp đi qua khảo sát hiện trường, lập phương án thi công, đăng ký kế hoạch công tác với đơn vị quản lý vận hành;
- 11.5. Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện công việc;
- 11.6. Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 11.7. Thông báo cho Bên A và tạm ngừng thực hiện công việc trong trường hợp nếu tiếp tục thực hiện công việc sẽ gây thiệt hại cho Bên A.
- 11.8. Quản lý, đảm bảo an toàn khu vực thi công, an toàn lao động, bảo vệ tài sản, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy (gọi tắt là "PCCC").
- 11.9. Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác thi công của mình, không tự ý thay đổi, điều chỉnh và quyết định những vấn đề ngoài quyền hạn của mình.
- 11.10. Lập hồ sơ nghiệm thu Công trình để Bên A phê duyệt.
- 11.11. Bàn giao từng hạng mục và toàn bộ Công trình cho Bên A ngay khi hạng mục và toàn bộ Công trình được nghiệm thu.
- 11.12. Trong quá trình triển khai thi công Công trình, nếu Bên B để xảy ra sự cố gây thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba, thì Bên B phải nhanh chóng khắc phục hậu quả và chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại (nếu có). Đồng thời, nếu việc thi công hoặc thực hiện Hợp Đồng của Bên B dẫn đến các vấn đề: phạt hành chính, bồi thường... thì Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm và phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý;
- 11.13. Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng Công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán Hợp Đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp Đồng;
- 11.14. Đối với các hạng mục khuất lấp, sau khi thi công xong, Bên B phải thông báo cho Bên A tổ chức nghiệm thu xong mới được thi công các hạng mục tiếp theo. Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bên A khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng Công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với Các Bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố;
- 11.15. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thông báo hoàn thành Công trình của Bên B, Bên B cung cấp cho Bên A 01 (một) bộ hồ sơ hoàn công (bản thảo). Nếu Bên B làm chậm trễ thời gian này thì số ngày chậm trễ sẽ được cộng thêm vào thời gian hoàn thành Công trình, Bên B sẽ chịu trách nhiệm với việc làm chậm tiến độ thực hiện Hợp Đồng;
- 11.16. Cam kết bảo mật thông tin về các nội dung liên quan đến Hợp Đồng và sản phẩm Hợp Đồng. Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này cũng như các thông tin liên quan đến hạ tầng của Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn sơ đồ tuyến cáp, thông tin tuyến cáp, hồ sơ thiết kế... trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;
- 11.17. Chủ trì thực hiện xin phép đào đường để thi công cáp ngầm và chịu mọi chi phí liên quan. Thực hiện ký quỹ khi cấp phép đào đường theo đúng qui định của cơ quan Nhà Nước về việc triển khai thực hiện ký quỹ khi cấp phép thi công công trình nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn thi công.
- 11.18. Bên B và các nhân viên của Bên B không được thực hiện bất kỳ hành động nào gây ảnh hưởng đến lợi ích, uy tín, thương hiệu của Bên A.
- 11.19. Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này cũng như các thông tin liên quan đến hạ tầng của Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn sơ đồ tuyến cáp, thông tin tuyến cáp, hồ sơ thiết kế...trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- 11.20. Cung cấp đúng và đầy đủ, hóa đơn, chứng từ theo quy định của Hợp Đồng này.
- 11.21. Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng Công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán Hợp Đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp Đồng;

- 11.22. Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp Đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin; Nghĩa vụ này vẫn tiếp tục có giá trị và duy trì hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng chấm dứt, thanh lý hay hết hiệu lực;
- 11.23. Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A, các nhân viên của Bên A, bên thứ ba đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến: (a) tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết, của bất cứ người, vật nuôi nào; (b) hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (kể cả không phải là Công Trình), xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành Công Trình hay sửa chữa các sai sót trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng;
- 11.24. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng và pháp luật.

## **ĐIỀU 12. CAM KẾT CỦA BÊN B**

Bên B cam kết thi công Công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp Đồng. Trên cơ sở giá Hợp Đồng tại **Điều 8** [Giá Hợp Đồng và thanh toán], nhưng không giới hạn bởi các khoản từ 1 đến 24 dưới đây của **Điều 12** này và sẽ sửa chữa mọi sai sót thuộc trách nhiệm của mình. Các công việc thi công nói trên sẽ được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của Hợp Đồng và đáp ứng được yêu cầu của Bên A, với mục đích cuối cùng là cung cấp cho Bên A một Công trình hoàn chỉnh, an toàn và vận hành một cách hiệu quả. Bên B sẽ:

- 12.1. Thi công xây dựng Công trình và cung cấp vật tư như được mô tả trong hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công kỹ thuật, HSMT;
- 12.2. Cung cấp hoặc thu xếp để cung cấp tất cả các lao động, quản lý, thiết bị và vật tư cần thiết để thực hiện công việc ngoại trừ trường hợp đặc biệt được qui định trong Hợp Đồng;
- 12.3. Thiết lập các qui trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng và tiến độ của Công việc một cách chặt chẽ và cung cấp cho Bên A đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá tiến độ thực tế của Công việc một cách độc lập;
- 12.4. Thi công xây dựng tất cả các Công trình tạm và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện Công việc cho đến khi chúng được đưa ra khỏi công trường hoặc hoàn trả theo yêu cầu của Hợp Đồng;
- 12.5. Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức, quản lý và giám sát nhà thầu phụ và lao động trên công trường phục vụ cho Công việc, đảm bảo rằng họ được chỉ dẫn về phương pháp làm việc thích hợp và an toàn lao động;
- 12.6. Chịu toàn bộ trách nhiệm phát sinh đối với mọi vấn đề xảy ra kể từ khi đã nhận bàn giao mặt bằng/tuyển thi công cho tới khi Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của Hợp Đồng này;
- 12.7. Cung cấp, quản lý và qui định việc đi lại trong khu vực công trường; việc đến và đi từ công trường một cách an toàn và có trật tự đối với nhân lực của Bên B bao gồm: lao động tại hiện trường, nhân viên quản lý và giám sát, nhân viên quản lý công trường, nhân sự của các nhà cung cấp, nhà thầu phụ;
- 12.8. Thu xếp các thủ tục hải quan bao gồm cả việc thu xếp các loại bảo đảm, lưu kho, vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam đối với tất cả vật tư, thiết bị, hàng hoá nhập khẩu nào phục vụ cho thi công xây dựng Công trình;
- 12.9. Phối hợp với các Nhà thầu phụ, nhà cung cấp, các bên khác do Bên B thuê có liên quan đến Công việc và với các Nhà bản quyền công nghệ (nếu có) nhằm đảm bảo rằng tất cả các vật tư thiết bị sử dụng vào Công trình đúng theo qui định của Hợp Đồng;
- 12.10. Cung cấp tất cả các thiết bị và dịch vụ khác cần thiết để đạt được nghiệm thu bàn giao Công trình theo Hợp Đồng;
- 12.11. Luôn luôn thực hiện Công việc một cách an toàn;

- 12.12. Bất kỳ hoạt động nào không được nêu rõ tại Điều này nhưng có thể suy diễn từ Hợp Đồng là cần thiết để hoàn thành Công việc thì Bên B sẽ thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi như là đã tính trong giá Hợp Đồng, trừ khi có qui định khác trong Hợp Đồng.
- 12.13. Nhận bàn giao và quản lý tim, mốc, mặt bằng Công trình do Bên A giao, chịu trách nhiệm về an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên phạm vi do đơn vị mình đảm nhiệm thi công. Công tác triển khai, tổ chức thi công tại công trường phải tuân thủ các qui định hiện hành của Nhà nước và đảm bảo an toàn đối với các phương tiện giao thông đi lại;
- 12.14. Chủ trì thực hiện xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp phép đào đường để thi công cáp ngầm và theo một số yêu cầu của Bên A (nếu có). Đồng thời, Bên B chịu mọi chi phí liên quan đến nội dung này. Thực hiện ký quỹ khi cấp phép đào đường theo đúng qui định của cơ quan Nhà Nước về việc triển khai thực hiện ký quỹ khi cấp phép thi công công trình nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn thi công;
- 12.15. Cung cấp các loại vật tư, thiết bị và vật liệu xây dựng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng theo đúng danh mục đã đăng ký, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và đáp ứng theo tiêu chuẩn được nêu trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và HSMT đã được Bên B đáp ứng trong HSDT. Trong trường hợp cần thiết phải kiểm nghiệm theo đúng qui định và có sự chấp thuận của tư vấn giám sát, chủ đầu tư mới được phép đưa lên lưới điện;
- 12.16. Tổ chức kho bãi bảo quản vật tư của Công trình, bảo quản Công trình từ khi khởi công cho đến lúc bàn giao; địa điểm tập kết vật tư phải gần địa điểm thi công để tư vấn giám sát thuận tiện kiểm tra. Mọi mất mát, hư hỏng đối với Công trình đều phải tự sửa chữa, làm lại bằng kinh phí của mình;
- 12.17. Tiếp nhận vật tư do Bên A cấp:
- a) Bên B chịu trách nhiệm bố trí kho bãi và tiếp nhận vật tư do Bên A cấp.
  - b) Cung cấp thông tin chủ thể đầu mối tiếp nhận vật tư của Bên B để cùng phối hợp giao nhận, nghiệm thu vật tư giữa Bên B, Tư vấn giám sát Bên A hoặc Bên A và Đơn vị cung cấp vật tư.
  - c) Bên B có trách nhiệm đo kiểm chất lượng vật tư trước khi nhận (bao gồm các sợi cáp quang) và bốc dỡ cáp quang bằng xe Cầu đúng cách đảm bảo không gây hại cho cáp cũng như Bobin. Trường hợp phát hiện vật tư bị lỗi, không đảm bảo quy cách, chất lượng như yêu cầu phải ngay lập tức báo Bên A và Đơn vị cung cấp vật tư để xử lý. Đồng thời, ghi nhận rõ trong Biên bản giao nhận về vấn đề này, có xác nhận của Bên B, Tư vấn giám sát Bên A hoặc Bên A và Đơn vị cung cấp vật tư.
  - d) Rủi ro được chuyển giao cho Bên B kể từ thời điểm các bên ký biên bản giao nhận vật tư, đồng ý xác nhận vật tư đáp ứng yêu cầu, đảm bảo chất lượng.
- 12.18. Tất cả vật tư, thiết bị của Bên A khi thu hồi (bao gồm vật tư, thiết bị do Bên A cung cấp cho Bên B thi công và vật tư, thiết bị cũ thu hồi từ hạ tầng của Bên A) thì Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm thu hồi, đo kiểm (đối với cáp quang), phân loại, bảo quản, vận chuyển và trả về địa điểm kho của Bên A tại thành phố Hồ Chí Minh, hoặc tại một địa điểm khác có cự ly tương đương do Bên A chỉ định. Thời gian Bên B chuyển trả vật tư, thiết bị chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi Công trình hoàn thành nghiệm thu. Bên B phải đảm bảo vật tư, thiết bị hoàn nhập phải đúng chủng loại, mẫu mã, quy cách, tình trạng như đã nhận. Bên B phải chịu trách nhiệm đối với mọi hư hỏng, mất mát phát sinh đối với vật tư, thiết bị được thu hồi.
- 12.19. Bất kỳ hoạt động nào không được nêu rõ tại Điều này nhưng có thể suy diễn từ Hợp Đồng là cần thiết để hoàn thành Công việc thì Bên B sẽ thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi như là đã tính trong giá Hợp Đồng, trừ khi có qui định khác trong Hợp Đồng.

- 12.20. Lập phương án, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công chi tiết, nhật ký thi công, quyết định cử Giám sát B và phải thông qua Bên A trước khi triển khai thi công Công trình. Theo đó, Bên B phải nghiêm túc thực hiện theo đúng kế hoạch đã được Bên A thông qua, đảm bảo thi công Công trình theo đúng tiến độ; nhật ký thi công phải luôn mang ra hiện trường;
- 12.21. Tuân thủ và chấp hành nghiêm túc theo các yêu cầu đề nghị của giám sát. Nếu tư vấn giám sát phát hiện công tác thi công của Bên B không đạt đủ số lượng, không đúng tiêu chuẩn chất lượng của hồ sơ thiết kế thì Bên B phải ngừng thi công, lập biên bản, thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản nêu rõ những điểm khác biệt và phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc làm hỏng, làm sai và phải làm lại cho đúng với yêu cầu về số lượng và chất lượng như trong hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt;
- 12.22. Có trách nhiệm giải toả, dọn dẹp vệ sinh công trường sau khi thi công, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan, an toàn giao thông đi lại;
- 12.23. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm với bất cứ sự mất mát, hư hỏng hay thiệt hại cho vật tư, thiết bị do Bên B gây nên. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu bồi thường bằng hiện vật theo đúng chủng loại, mẫu mã, quy cách hoặc bị trừ tiền theo quy định của Bên A;
- 12.24. Trong quá trình thi công gặp trở ngại về cây xanh, đơn vị thi công phải liên hệ với các đơn vị quản lý và tự lo chi phí cho công tác này;
- 12.25. Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp Đồng hoặc Pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.
- 12.26. Bên B phải đảm bảo các điều kiện, quy định:
- a) Nhân lực của Bên B:
- Bên B phải đáp ứng đủ nguồn lực trong suốt quá trình thi công đến khi hoàn tất. Mỗi ngày gồm ít nhất 02 đội thi công, mỗi đội thi công có ít nhất 08 nhân sự và duy trì số lượng này cho đến khi hoàn tất công trình. Có 01 chỉ huy trưởng công trình điều phối hoạt động thi công chung, là đầu mối liên hệ với Bên A. Có 02 cán bộ kỹ thuật trực tiếp điều phối hoạt động thi công hàng ngày.
  - Nhân lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên A có thể yêu cầu Bên B sa thải (hoặc tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay Công trình, kể cả đại diện của Bên B nếu những người đó: không có tên trong danh sách bên B đã kê khai cho bên A trong HSDT; có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khoẻ hoặc bảo vệ môi trường. Nếu Bên A yêu cầu Bên B buộc thôi việc một hoặc các thành viên trong số nhân viên của Bên B với lý do trên, Bên B phải bảo đảm rằng nhân viên đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 05 (năm) ngày và không còn mối liên hệ nào với công việc trong Hợp Đồng.
  - Khi đó, Bên B sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế. Bên B phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường
  - Bên B phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ và chịu trách nhiệm toàn bộ về an toàn lao động cho con người và thiết bị khi thi công. Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.
  - Trong quá trình thi công, Bên B phải đảm bảo nhân lực như yêu cầu tại điều này. Trường hợp Bên B không đáp ứng yêu cầu về nhân sự (số lượng, năng lực) thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B bổ sung, thay đổi nhân sự để đáp ứng yêu cầu. Bên B có trách nhiệm bổ sung, thay đổi nhân sự theo yêu cầu trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Bên A yêu cầu. Trường hợp tạm ngưng thi công do Bên B không đáp ứng yêu cầu về nhân sự

03 (ba) ngày liên tục thì Bên B sẽ bị phạt theo quy định tại **Điều 15.2** [*Phạt vi phạm Hợp Đồng*] của Hợp Đồng.

- b) Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên B:  
Bên B phải báo cáo cho Bên A chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên B trên công trường.
- c) Hợp tác:
- Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Bên A; các nhà thầu khác do Bên A thuê.
  - Các dịch vụ cho những người này và các nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Bên B, các Công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Bên B. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá Hợp Đồng thì các bên xem xét thoả thuận bổ sung chi phí này.
  - Bên B phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác ở phạm vi được nêu rõ trong Hồ sơ mời thầu của Bên A.
  - Tuân thủ và chấp hành nghiêm túc theo các yêu cầu đề nghị của giám sát. Nếu tư vấn giám sát phát hiện công tác thi công của Bên B không đạt đủ số lượng, không đúng tiêu chuẩn chất lượng của hồ sơ thiết kế thì Bên B phải ngừng thi công, lập biên bản, thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản nêu rõ những điểm khác biệt và phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc làm hỏng, làm sai và phải làm lại cho đúng với yêu cầu về số lượng và chất lượng như trong hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt;
- d) Định vị các mốc:  
Bên B phải định vị Công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp Đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của Công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của Công trình.
- e) Điều kiện về công trường:
- Bên B được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thoả mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:
    - + Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất Công trình;
    - + Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
    - + Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành Công trình và sửa chữa sai sót;
    - + Các quy định của pháp luật về lao động;
    - + Các yêu cầu của Bên B về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.
  - Bên B được coi là đã thoả mãn về tính đúng và đủ của điều kiện công trường để xác định giá Hợp Đồng.
  - Nếu Bên B gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Bên B cho là không lường trước được, thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Bên A có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Bên B coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Bên B phải tiếp tục thi công xây dựng Công trình, sử dụng các biện pháp thoả đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Bên A có thể đưa ra.
- f) Đường đi và phương tiện:

Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào công trường. Bên B cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

Bên B phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng, đi lại của Bên B hoặc người của Bên B gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

- Bên B không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Bên A hoặc những người khác.
- Bên B (trong mối quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Bên B làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;
- Bên B phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- Bên A không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;
- Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên B, sẽ do Bên B chịu.

g) Vận chuyển vật tư thiết bị:

Trừ khi có quy định khác, Bên B phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Bên A đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Bên B.

h) Thiết bị Bên B:

- Bên B chịu trách nhiệm tự cung cấp các thiết bị cần thiết để phục vụ hoạt động thi công. Đáp ứng đúng đủ chủng loại, số lượng thiết bị thi công chủ yếu (máy hàn cáp quang, máy đo cáp quang OTDR, máy khoan, xe tải vận chuyển  $\geq 1,5$  tấn,...) theo hồ sơ dự thầu đã nộp.
- Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới Công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công Công trình.
- Bên B không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên A đối với các xe cộ vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Bên B ra khỏi công trường.

i) Hoạt động của Bên B trên công trường:

- Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công Công trình, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ Công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.
- Sau khi biên bản nghiệm thu Công trình đã được cấp, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Bên B, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và Công trình tạm. Bên B phải để lại những khu vực đó của công trường và Công trình trong trạng thái

sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Bên B có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

- Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 05 (năm) ngày sau khi Bên A cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Bên A có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Bên B sau khi thanh toán các chi phí phát sinh cho Bên A.
- j) Các vấn đề khác có liên quan:
  - Tất cả các cỗ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên A. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.
  - Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để hướng dẫn giải quyết.
  - Bất kỳ hoạt động nào không được nêu rõ tại Điều này nhưng có thể suy diễn từ Hợp Đồng là cần thiết để hoàn thành Công việc thì Bên B sẽ thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi như là đã tính trong giá Hợp Đồng, trừ khi có qui định khác trong Hợp Đồng.

12.27. Nhà thầu cam kết luôn phải đảm bảo và duy trì:

- Nhà thầu/đối tác của Nhà thầu không trực tiếp hoặc gián tiếp thuộc quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát, hoặc có phần vốn góp, cổ phần của bất kỳ Người có thẩm quyền của Chủ Đầu Tư; hoặc.
- Nhà thầu/đối tác của Nhà thầu và những Người liên quan của Nhà thầu/đối tác của Nhà thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với Người có thẩm quyền của Chủ Đầu Tư trong bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án nào; hoặc
- Nhà thầu/đối tác và những Người liên quan của Nhà thầu/đối tác không là/hoặc không có mối quan hệ là cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột với Người có thẩm quyền của Chủ Đầu Tư
- Trong đó:
  - o Người liên quan của Nhà thầu/đối tác của Nhà thầu bao gồm nhưng không giới hạn ở: bất kỳ cá nhân, tổ chức nào có cổ phần hoặc vốn góp vào Nhà thầu/đối tác; người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu/đối tác; giám đốc hoặc thành viên hội đồng thành viên, hội đồng quản trị, người có vai trò quản lý của Nhà thầu/đối tác; nhân viên trực tiếp của Nhà thầu/đối tác; nhà thầu, thầu phụ, nhà sản xuất, cung cấp, cung ứng, hoặc bất kỳ người nào có thể liên quan đến việc cung cấp công việc/dịch vụ của Nhà thầu/đối tác; hoặc thân nhân của những người được nêu ở trên;
  - o Người có thẩm quyền của Chủ đầu tư là bất kì cá nhân nào của Chủ Đầu Tư có chức danh từ Trưởng/ Phó Phòng trở lên.

## **ĐIỀU 13. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ**

### **13.1. An toàn lao động:**

Bên B có trách nhiệm:

- a) Bên B phải lập các biện pháp an toàn cho người và Công trình trên công trường, kể cả các Công trình phụ cận.
- b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

- c) Phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- d) Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.
- e) Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.
- f) Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

### 13.2. Bên B phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động sau:

- a) Các yêu cầu trước khi thi công
  - Công trình trước khi thi công phải có đầy đủ thủ tục về xây dựng cơ bản theo quy định của Nhà nước, phương án thi công và phương án đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động.
  - Khi thi công cáp treo trên hệ thống cột Điện lực trung thế, Bên B cần làm phương án an toàn điện với đơn vị quản lý vận hành tuyến đường dây đó.
  - Bên B phải khảo sát lại để nắm vững các đặc điểm về địa hình để lập phương án tổ chức thi công, giao Bên A phê duyệt...
  - Bên B phải tổ chức phổ biến đầy đủ yêu cầu xây lắp, đặc điểm công trình.
  - Tổ chức phân công giao việc đến các đội, tổ, nhóm làm việc rõ ràng, có nhật ký công trình, giao việc phải phù hợp với trình độ kỹ thuật và sức khoẻ của công nhân.
  - Đơn vị sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện về kỹ thuật, an toàn lao động.
  - Bố trí lán trại, nơi ăn ở cho công nhân trên công trình phải thuận tiện cho sinh hoạt và đảm bảo sức khoẻ cho người lao động. Phải có phương án phòng hoả hoạn, phòng dịch, lũ lụt, mưa bão...
- b) An toàn lao động trong khi thi công
  - Trước khi thi công phải xin phép tuyến với bên Điện lực.
  - Ngoài việc chấp hành quy định an toàn của ngành và các ngành khác có liên quan cùng với những quy định của địa phương với công trình này, đơn vị thi công cần phải lưu ý:
  - Đơn vị thi công phải khảo sát kỹ hiện trường và nghiên cứu kỹ hồ sơ thiết kế sau đó có phương án thi công hợp lý, được sự chấp thuận về biện pháp an toàn điện với Đơn vị quản lý, vận hành tuyến đường dây mới tiến hành thi công.
  - Phối hợp với Điện lực giám sát, triển khai trong quá trình thi công để bảo đảm an toàn cho quá trình thi công và mạng lưới truyền tải điện đang vận hành của Điện lực.
  - Trong suốt quá trình thi công phải liên hệ chặt chẽ với các đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo an toàn về người, vật tư, thiết bị thi công và các công trình khác có liên quan.
  - Người lao động phải được trang bị bảo hộ lao động và phương tiện thi công phù hợp với công trình và phải thường xuyên kiểm tra các trang bị bảo hộ lao động.
  - Trong trường hợp phải tạm dừng thi công thì phải có biện pháp an toàn lao động và phương tiện tham gia giao thông.
  - Trong điều kiện làm việc ngoài trời nắng, phải bố trí ca kíp hợp lý và các biện pháp đề phòng say nắng cho người lao động.
  - Không thi công khi trời mưa, không khí độ ẩm cao.
  - Bố trí nhân lực hợp lý cho từng phần việc.

- Thi công ở những nơi có nhiều người và phương tiện tham gia giao thông phải có biện pháp như thông báo bằng tín hiệu, biển báo, biển cấm... và khi cần thiết phải bố trí người gác.
  - Cần thi công dứt điểm từng lô cáp một, sau đó mới thi công lô khác.
- c) An toàn lao động khi làm việc ở đường dây điện lực
- Khi tổ chức thi công các công trình ngoại vi Viễn thông ở khu vực có điện lực phải chấp hành đầy đủ quy phạm kỹ thuật an toàn điện của Nhà nước, của ngành.
  - Công nhân được phân công làm việc ở gần khu vực gần đường dây điện lực phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn điện (sử dụng các trang bị, dụng cụ an toàn điện và hiểu biết phương pháp cứu chữa người khi bị điện giật...).
  - Phải kiểm tra hiện trường, kiểm tra việc cắt hoặc đóng điện, kiểm tra độ cao khoảng cách an toàn từ cáp, từ nơi làm việc của công nhân đến đường dây điện lực. Công nhân khi làm việc ở gần các đường dây điện lực hoặc trong các khu vực có điện phải trang bị phòng hộ an toàn điện đầy đủ.
  - Không được thi công trong những ngày mưa trên những đoạn đi nhờ điện lực tránh ảnh hưởng lan truyền của điện, điện từ.
  - Khoảng cách giữa đường dây điện lực thấp nhất và tuyến cáp quang treo trên cột Bưu điện cao nhất theo quy định của điện lực.
  - Không được trồng cột bằng cầu tại những vị trí không đảm bảo không gian an toàn với các công trình khác.
  - Không được tiếp xúc với cây hoặc vật dụng có khả năng tiếp xúc với điện lưới.
- d) An toàn lao động khi làm việc trên cao
- Khi làm việc trên cao (trên cột điện, trên mái nhà, trên cầu, trên đồi, núi v.v..) người lao động phải được học tập về an toàn lao động và không mắc bệnh kinh niên về thần kinh, tim mạch. Tuyệt đối không được phân công cho người vừa mới ốm dậy, sức khoẻ chưa bình thường làm việc trên cao.
  - Trước khi làm việc trên cao người lao động phải kiểm tra độ bền vững, chắc chắn của thang, cột...
  - Khi làm việc trên cao phải dùng dây an toàn và các phương tiện bảo hộ lao động khác.
  - Đưa vật liệu, dụng cụ lắp đặt trên cao hoặc đưa xuống phải sử dụng dây kéo và dùng ròng dộc. Các dụng cụ phải có túi đựng không tùy tiện bỏ vào túi quần, áo hoặc gác trên ngọn cột, mái nhà.
  - Khi có người làm việc trên cao phải có người cảnh giới không cho người đứng hoặc đi qua lại dưới đất xung quanh điểm cao để phòng dụng cụ, vật liệu rơi nguy hiểm.
  - Không được sử dụng dây co hoặc cột chống làm phương tiện lên xuống.
  - Tùy thuộc vào độ cao khác nhau của cột treo cáp phải sử dụng thang có độ dài thích hợp. Phải có biện pháp cố định thang trước khi lên làm việc.
- e) An toàn đường sắt
- Thi công gần đường sắt phải phân công người cảnh giới, báo hiệu có tàu chạy qua. Không tập kết vật tư trong phạm vi an toàn của Đường sắt.
- f) An toàn lao động trong vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu và dụng cụ thi công
- Các phương tiện vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công (ô tô, cần cẩu, xe cải tiến, v.v...) phải được chuẩn bị đầy đủ cho từng công việc và phải kiểm tra xác định độ bền vững của phương tiện trước khi sử dụng.

- Nguyên vật liệu và dụng cụ thi công xếp trên phương tiện vận chuyển phải gọn gàng, vật nặng xếp dưới, vật nhẹ xếp trên. Trước khi vận chuyển phải đảm bảo chằng buộc chắc chắn. Đối với hoá chất phải xếp đặt vững chắc, chống đổ vỡ gây ra cháy nổ.
  - Bóc dỡ cột treo cáp thông tin lên xuống xe phải có ròng rọc, dây thừng, đòn bẩy, cầu trượt và bố trí đủ số người phù hợp với trọng tải của cột.
  - Khiêng cột treo cáp thông tin và vận chuyển vật liệu qua cầu, dọc đường sắt, đường ô tô, phải quan sát tàu xe qua lại.
- g) An toàn lao động khi đào rãnh cáp
- Phải kiểm tra độ bền vững của các dụng cụ lao động (cuốc, thuổng, xẻng, xà beng, máy đào.v.v...) trước khi đào lỗ cột và rãnh cáp.
  - Trước khi đào phải xác định được vị trí các công trình ngầm khác để có biện pháp xử lý và thông báo cho chủ sở hữu biết khi cần thiết. Đào lỗ cột trên đường phố, nhà dân, nơi đông người qua lại, phải có biển cấm và rào chắn. Ban đêm có đèn báo hiệu tại hố cột hoặc rãnh cáp.
  - Khi gặp chướng ngại vật hoặc các công trình ngầm khác (ống dẫn nước, cáp điện lực.v.v...) phải tạm dừng công việc và báo cáo với cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.
- h) An toàn lao động khi ra cáp và làm việc tại các bể cáp
- Khi ra cáp phải có đủ dụng cụ cần thiết. Việc đưa cáp xuống ô tô, lăn lên giá đỡ phải dùng các phương tiện như xe cầu, cầu lăn giá đỡ, kích cáp để đảm bảo vững chắc và an toàn.
  - Khi ra cáp trực tiếp từ mobin cáp, mobin cáp phải được đặt lên giá đỡ kích cáp chắc chắn. Giá đỡ kích cáp phải được đặt thẳng bằng trên mặt đất và vuông góc với hướng tuyến cáp.
  - Tùy thuộc vào trọng lượng cáp, khoảng bề để bố trí số lượng công nhân kéo cáp. Không được quán cáp vào người khi kéo, đề phòng gặp chướng ngại không kịp xử lý có thể gây nguy hiểm.
  - Khi ra cáp trên đường phố, vượt đường tàu, vượt đường ô tô, phải bố trí người canh gác và có biển cấm đề phòng xe cộ và người qua lại vướng phải cáp. Ra cáp không được gây trở ngại cho người và các phương tiện tham gia giao thông.
  - Phải có người hướng dẫn báo hiệu để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện qua lại.
  - Khi kéo cáp trên đường phố phải tuyệt đối chấp hành luật lệ giao thông. Các dụng cụ kéo cáp phải sắp đặt gọn gàng không để ngổn ngang trên đường phố. Phải chú ý bảo vệ các công trình khác trên đường cáp đi qua.
  - Công nhân kéo cáp phải có gắng tay, đệm vai và kéo thống nhất cùng một bên vai.
  - Khi làm việc trong bể cáp, nắp bể cáp để bên miệng bể phải kê vững chắc đề phòng rơi, sập và phải có biển báo hiệu đang có người làm việc dưới cống bể.
  - Khi làm việc trong bể cáp phải đeo khẩu trang và đi ủng bảo hộ lao động. Khi mở nắp bể cáp phải chờ sau thời gian từ 5 đến 10 phút mới xuống làm việc, trong những trường hợp cần thiết phải có phương tiện thông gió và chiếu sáng đủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động.
- i) An toàn lao động trong hàn nối cáp
- Công nhân hàn phải có khẩu trang, kính, giầy hoặc ủng bảo hộ lao động.
  - Trước khi hàn nối cáp phải chuẩn bị đủ các điều kiện an toàn (biển chắn đường, tấm che nắng, mưa, quạt giảm hơi độc...).

- Các dụng cụ và phương tiện hàn nổi cáp phải được xếp đặt ngăn nắp. Xăng dầu phải để cách xa ngọn lửa.

### 13.3. Bảo vệ môi trường:

- a) Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.
- b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.
- c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.
- d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng Công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

### 13.4. Phòng chống cháy nổ:

Bên B phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ.

## ĐIỀU 14. ĐIỆN, NƯỚC, AN NINH CÔNG TRƯỜNG

### 14.1. Điện, nước trên công trường:

- a) Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên B phải tự chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên B cần.
- b) Bên B có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công Công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên A; Bên B có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công Công trình. Bên B phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.
- c) Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên B tự chịu trách nhiệm thanh toán.

### 14.2. An ninh công trường:

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

- a) Bên B phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;
- b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên B và của Bên A và những người khác do Bên A (*hoặc người thay mặt*) thông báo cho Bên B biết.

## ĐIỀU 15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG, PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

### 15.1. Hợp Đồng được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Các bên đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này;
- b) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Trường hợp sự kiện bất khả kháng theo quy định tại **Điều 17** [*Rủi ro, bất khả kháng*] của Hợp Đồng này;
- d) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn bằng văn bản.
- e) Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp Đồng nếu Bên B vi phạm một trong số các quy định sau:
  - Bỏ dở hoặc không thực hiện thực hiện các nghĩa vụ theo **Khoản 11.1** [*Nghĩa vụ xin cấp phép thi công*] **Điều 11** [*QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B*];

- Bỏ dở Công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
  - Không có lý do chính đáng mà trong vòng 02 (hai) ngày không thực hiện công việc theo Hợp Đồng;
  - Giao thầu phụ toàn bộ Công trình hoặc chuyển nhượng Hợp Đồng mà không có sự thỏa thuận bằng văn bản của Bên A;
  - Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
  - Bên B chậm tiến độ quá ... (.....) ngày như quy định tại **Điều 15.2.a**[*Phạt chậm tiến độ*].
- f) Trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này và không khắc phục trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm, Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp Đồng này sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi Bên B nhận được thông báo chấm dứt Hợp Đồng thì Bên B phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết (ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường), các tài liệu của Bên B và các hồ sơ thiết kế khác của Bên B cho Bên A, Bên B sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Bên B chịu, Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Bên B còn nợ Bên A một khoản thanh toán nào thì Bên A được quyền bán chúng để lấy lại tiền, Số tiền dư ra sẽ được trả cho Bên B.

## 15.2. Phạt vi phạm Hợp Đồng:

### a) Phạt do chậm tiến độ:

- Nếu Bên B chậm tiến độ thực hiện Hợp Đồng được quy định tại **Điều 7.1**[*Thời gian thực hiện Hợp Đồng*] Bên B sẽ bị phạt dựa trên số ngày chậm tiến độ. Mức phạt sẽ tăng theo thời gian với tỷ lệ mức phạt cụ thể như sau:
  - + 0,15% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trong 12 ngày chậm tiến độ đầu tiên (từ ngày chậm thứ nhất đến ngày chậm thứ 12).
  - + 0,3% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trong 12 ngày chậm tiến độ tiếp theo (từ ngày chậm thứ 13 đến ngày chậm thứ 24).
  - + 0,54% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trong 12 ngày chậm tiến độ kế tiếp (từ ngày chậm thứ 25 đến ngày chậm thứ 36).

Tổng thời gian chậm tiến độ cho tất cả các hạng mục nêu trong Hợp Đồng không được quá ... (.....) ngày.

- Trường hợp quá ... (.....) ngày, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng với Bên B bằng một thông báo cho Bên B và có thể tự mình hoặc yêu cầu bất kỳ bên thứ ba nào khác tiếp tục thực hiện Hợp Đồng. Trong trường hợp này, ngoài khoản phạt chậm tiến độ thực hiện nêu trên, Bên B phải có nghĩa vụ bồi thường cho Bên A toàn bộ các chi phí phát sinh do hành vi vi phạm Hợp Đồng của Bên B gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: các chi phí đi lại, lưu trú, chi phí sinh hoạt,... của nhân sự giám sát của Bên A trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng), đồng thời phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng bằng 12% (Mười hai phần trăm) giá trị Hợp Đồng
- b) Phạt do lỗi suy hao mỗi hàn sợi quang:

Khi số mỗi hàn sợi quang có suy hao  $> 0,12\text{dB}$  chiếm từ 15% (mười lăm phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) trên tổng số mỗi hàn của toàn công trình sẽ không được tính chi phí số mỗi hàn này, ngoài ra Bên B còn bị phạt 01% (một phần trăm) giá trị Hợp Đồng và bồi thường thiệt hại (nếu có).

Khi số mỗi hàn sợi quang có suy hao  $> 0,12\text{dB}$  chiếm từ 30% (ba mươi phần trăm) trên tổng số mỗi hàn của toàn công trình, Bên B sẽ không được tính chi phí số mỗi hàn này, đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm như quy định tại Điều 15.2.d bên dưới.

- c) Nếu Bên B không thực hiện việc lập hồ sơ nghiệm thu hoặc chậm trễ lập hồ sơ nghiệm thu theo **Điều 6.6.b** [*Nghiệm thu, bàn giao Công trình và các hạng mục Công trình*] hoặc Bên B chậm hoàn thành bất kỳ hồ sơ và/ hoặc bất kỳ nghĩa vụ đến hạn nào khác thì Bên B sẽ bị phạt số tiền là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) cho mỗi ngày chậm trễ.
- d) Bên B vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong Hợp Đồng thì bị phạt 12% giá trị Hợp Đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm, nhưng mức tối thiểu là 25.000.000 VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng) cho mỗi vi phạm, đồng thời Bên B phải làm lại cho đủ và đúng chất lượng theo quy định tại Hợp Đồng này, đồng thời bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh.
- e) Ngoài những điều khoản phạt tại **Điều 15.2 a, b, c, d** nêu trên, trường hợp Bên B vi phạm các quy định tại Hợp Đồng này hoặc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng không theo các quy định tại **Điều 15.1** [*Chấm dứt Hợp Đồng*] của Hợp Đồng này thì Bên B phải khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm một khoản tiền bằng 12% (Mười hai phần trăm) giá trị Hợp Đồng.
- f) Trường hợp Bên B thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa bàn thi công nhắc nhở, báo chí phản ánh thì Bên B phải chịu phạt bằng 0,2% giá trị Hợp Đồng cho mỗi lần vi phạm. Nếu Bên B vi phạm quá 03 (ba) lần, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm gì.
- g) Ngoài các nghĩa vụ nêu trên, trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng mà gây thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên vi phạm phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế cho Bên bị vi phạm.
- h) Khoản tiền phạt có thể được Bên A khấu trừ vào nghĩa vụ thanh toán của Bên A đối với Bên B theo Hợp Đồng này. Việc phạt vi phạm theo quy định này không loại trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ sửa chữa/ khắc phục vi phạm của Bên B.

### **15.3. Quyết toán và thanh lý Hợp Đồng:**

#### **15.3.1. Quyết toán Hợp Đồng:**

Trong vòng 10 (mười) ngày, kể từ ngày đại diện Bên A ký quyết toán công trình, Bên B sẽ trình cho Bên A hồ sơ thanh toán theo quy định.

Riêng đối với tháng 12 dương lịch hàng năm, Bên B phải hoàn tất hồ sơ quyết toán trước ngày 31 tháng 12 dương lịch. Nếu Bên B không hoàn tất việc quyết toán theo đúng yêu cầu trên thì Bên A sẽ không thanh toán chi phí thi công cho Bên B.

#### **15.3.2. Thanh lý Hợp Đồng:**

- a) Hợp Đồng được thanh lý trong trường hợp:
  - Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng đã ký;
  - Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định của **Điều 15.1** [*Chấm dứt Hợp Đồng*] của Hợp Đồng;
- b) Việc thanh lý Hợp Đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo **Điều 15.1** [*Chấm dứt Hợp Đồng*].

- c) Sau khi thanh lý Hợp Đồng, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp Đồng hoặc liên quan đến Hợp Đồng sau khi thanh lý Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 16. BẢO HIỂM VÀ BẢO HÀNH**

### **16.1. Bảo hiểm:**

Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

### **16.2. Bảo hành:**

Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành Công trình sau khi bàn giao cho Bên A theo các nội dung cụ thể sau:

- a) Thời gian bảo hành Công trình là 12 (mười hai) tháng được tính từ ngày toàn bộ Công trình bắt đầu được đưa vào nghiệm thu, đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành Công trình được gia hạn cho đến khi Bên B khắc phục và sửa chữa xong toàn bộ các sai sót theo yêu cầu của Bên A.
- b) Bảo đảm bảo hành:  
Bên B có nghĩa vụ nộp cho Bên A chứng thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng cùng hồ sơ thanh toán, giá trị tương đương 05% tổng giá trị quyết toán Hợp đồng; có hiệu lực kể từ ngày phát hành và hết hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn bảo hành; chứng thư là loại vô điều kiện và không hủy ngang. Bên B có nghĩa vụ duy trì đủ số tiền bảo lãnh bảo hành trong suốt thời hạn của chứng thư bảo lãnh.
- c) Thời gian khắc phục sự cố:

Trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A, Bên B phải cử nhân viên có đủ năng lực và thẩm quyền có mặt tại địa điểm Công trình để thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân và tiến hành việc khắc phục, sửa chữa.

Bên B có nghĩa vụ khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi Công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi thi công, lắp đặt trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo đưa ra các yêu cầu bảo hành. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một bên khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ. Trong trường hợp số tiền chi trả cho bên thứ ba lớn hơn khoản tiền bảo hành của Bên B thì Bên B có trách nhiệm chi trả phần chênh lệch này.

Xử lý bảo lãnh: Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng phát hành thư bảo lãnh chuyển toàn bộ số tiền bảo lãnh cho Bên A nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ bảo hành mà không cần phải cung cấp bất kỳ tài liệu chứng minh nào khác.

- d) Ngoài các qui định trên, Bên A còn dùng giá trị bảo hành để dự phòng chi trả cho các khoản phát sinh thuộc **Khoản 11.1 [Nghĩa vụ xin cấp phép thi công] Điều 11 [QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B]** (nếu có).

## **ĐIỀU 17. RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG**

### **17.1. Rủi ro và bất khả kháng:**

- a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp Đồng.
- b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp Đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.
- c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia sớm nhất có thể.

**17.2. Hậu quả của các rủi ro:**

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong **Điều 17.1** của Hợp Đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho Công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên B, thì Bên B phải ngay lập tức gửi thông báo cho Bên A và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Bên A yêu cầu.

**17.3. Trách nhiệm của Bên B đối với rủi ro:**

- a) Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm Công trình, và hàng hóa trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- b) Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Bên A, Bên B sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.
- c) Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho Công trình, vật tư thiết bị hoặc tài liệu đối với Công trình, Bên B sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Bên B, để Công trình, vật tư thiết bị và tài liệu của Bên B đúng với Hợp Đồng.
- d) Bên B phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra tại bất kỳ thời điểm nào nếu do lỗi hoặc thuộc trách nhiệm của Bên B.

**17.4. Bồi thường rủi ro:**

Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho chủ đầu tư, các nhân viên của Bên A đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan bất cứ thiệt hại nào xảy ra theo quy định của Điều này.

**17.5. Thông báo về bất khả kháng:**

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

**17.6. Các hậu quả của bất khả kháng:**

Bên bị cản trở thực hiện nghĩa vụ bởi một Sự kiện Bất khả kháng phải nỗ lực cao nhất để giảm thiểu và khắc phục hậu quả của Sự kiện Bất khả kháng và tiếp tục thực thi các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này trong một thời hạn hợp lý ngay sau khi chấm dứt Sự kiện Bất khả kháng. Nếu Sự kiện Bất khả kháng kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày thì Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng.

**ĐIỀU 18. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG****18.1. Thời Điểm có hiệu lực của Hợp Đồng:**

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**18.2. Tính pháp lý của Hợp Đồng:**

- a) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà chủ đầu tư, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;
- b) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp Đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

**ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 19.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong Hợp Đồng này.

- 19.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không có khả năng thực thi theo bất kỳ qui định nào của pháp luật nào thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thực thi các điều khoản khác của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng hoặc hủy bỏ.
- 19.3. Hai Bên cùng có trách nhiệm thực hiện đủ nội dung Hợp Đồng này và các Phụ Lục Hợp Đồng (nếu có). Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải trong thời hạn 30 (ba mươi ngày) kể từ ngày gửi thông báo đề nghị giải quyết tranh chấp cho Bên còn lại thì một trong Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là văn bản có giá trị pháp lý cuối cùng bắt buộc hai Bên phải thi hành, chi phí cho Tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu.
- 19.4. Các Bên cam kết không đặt vấn đề về đứt lốt, hở lốt, chi hoa hồng, chi chênh lệch giá, tặng quà, bồi dưỡng hoặc sử dụng bất kỳ hình thức ưu đãi vật chất nào khác cho bất kỳ người nào của Bên còn lại (bao gồm cả người có quan hệ thân thiết với người này như như bạn bè, người quen, người thân trong gia đình...) để được hưởng chế độ ưu đãi hơn so với các đối tượng khác, hay cho bất kỳ mục đích thu lợi bất chính nào. Khi có sự đòi hỏi từ phía người của một Bên, Bên còn lại có trách nhiệm thông báo ngay với người đại diện có thẩm quyền cấp quản lý cao hơn của Bên vi phạm để cùng xử lý, hình thức thông báo có thể bằng cách điện thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản. Trong trường hợp Bên B vi phạm những cam kết tại Điều này, ngoài quy định tại Điều 15.2, thì Bên A có quyền đưa ra các biện pháp chế tài phù hợp bao gồm cả biện pháp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này mà không cần báo trước, mọi chi phí phát sinh và thiệt hại do việc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, Bên B vi phạm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- 19.5. Việc một Bên không thực hiện, hoặc trì hoãn việc thực hiện một việc nào đó mà Bên đó phải thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng này, không thể được coi là miễn trừ cho một nghĩa vụ, hoặc một vi phạm nghĩa vụ của Bên kia.
- 19.6. Hợp Đồng này có giá trị kế thừa trong trường hợp Bên A hay Bên B hay cả hai Bên thay đổi tên hoặc thay đổi chủ sở hữu.
- 19.7. Một Bên sẽ không được chuyển một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Hợp Đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- 19.8. Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực và ràng buộc Các Bên nếu một hoặc Các Bên thay đổi thành viên, thay đổi người đại diện hoặc cơ cấu lại. Bên kế nhiệm có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này.
- 19.9. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên A sẽ giữ 02 (hai) bản, Bên B sẽ giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**  
**GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
**GIÁM ĐỐC**

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG***(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)*

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: _____ [ <i>Hệ thống tự tính</i> ]			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]***ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG***(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)*

STT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Hạng mục 1:</b>					
1						
2						
3						
<b>II</b>	<b>Hạng mục 2:</b>					
1						
2						
3						
<b>III</b>	<b>Hạng mục...</b>					
...	....					
<b>Giá hợp đồng</b> (Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]***ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là Hợp đồng);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

